

Năm thứ ba - số 32

1^{er} Février 1934

Jo. 64954

VĂN-HỌC

TẠP-CHI



CHỦ - BÚT Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số 0\$15

VAN - HOC TAP CHI

MUC LUC

1. — Thi - sĩ với ngày xuân	213
2. — Thi thoại	221
3. — Ai làm ra bài văn <i>Tần-Cung-Oán</i> ?	224
4. — Chú thích những áng văn cổ : <i>Bài lự tình của ông Cao - Bá - Nhạ</i> IV	230
5. — Cùng ông Trần - Thanh - Mai ở báo Phụ - Nữ Thời Đàm	233
6. — Văn thơ	237
7. — Một trang nam sử nên đọc : <i>Cụ Phan-Thanh-Giản và việc cụ sang sứ nước Pháp năm 1863</i>	243
8. — Thơ ta dịch ra Pháp - văn : <i>Chúc tết của cụ Trần - Tế - Xương</i>	249
9. — Xuân trước xuân sau (<i>đoản-thiên tiếu-thuyết</i>)	252
10. — Tin tức thế giới và trong nước	256
11. — Nụ cười : <i>Ứng khẩu giỏi</i>	264
12. — Hoa - Lư kết nghĩa (<i>dịch sử tiếu thuyết</i>)	265

Ai cần kiêm Đại-lý trong Nam ?

Hiệu THANH THANH mới mở ở vào ba căn phố lầu góc hai con đường lớn Saigon, N° 38 Rue Pellerin và N°s 118 & 120 Boulevard de la Somme.

Bán và làm Đại lý

a) Đủ các thứ văn phòng và học liệu ; Báo, chí và sách vở bằng chữ Pháp văn và Quốc văn có giá trị

b) Đủ các thứ giao, nhung, kỳ, quế, cao, đơn, hườn, tán, và các thứ dầu có danh tiếng

c) Các thứ tơ lụa do người mình chế tạo và hết thấy các thứ hàng nội hóa khác.

Thư điểm, được phòng, và các nhà công nghệ trong nước, nếu muốn cho hàng các ngài tiêu thụ trong Nam xin viết thư cho :

Monsieur HỒ HỮU NHÃ

Chủ nhân hiệu THANH THANH

118 và 120 Boulevard de la Somme.

— SAIGON —

Nên đặc biệt chú ý là hiệu THANH THANH không những xài gỗ tiền lớn làm quảng cáo trong các báo chí ba kỳ, mà lại còn phái 3 người Commis Voyageurs đi khắp lục tỉnh để cổ động những món hàng mà hiệu ấy nhận làm Đại lý

Nên đọc TIẾNG-XUÂN của Vũ-Ngọc-Quỹ. Giá 0\$05 — Cuộc 0\$03
Gửi bằng timbres-postes cho Đông-Tây ấn quán, 193, phố hàng Bông—Frroi



VAN - HOC TAP - CHI

Báo mỗi tháng xuất - bản hai kỳ vào ngày 1^{er} và 15

Thi-sĩ với ngày xuân



Trong một năm, chỉ có ngày xuân là vui vẻ, đẹp đẽ. Ta nghiệm ra từ cái phần cá nhân bé nhỏ của ta cũng có những « cuộc hiện-cách » về tinh thần và hình-thể : tinh-thần thấy sáng-khoái, xác thịt, nhẹ nhàng ; cho đến cõi vũ-trụ lớn lao cũng bày ra những hình trạng yêu - kiều diễm lệ. Ta trông ra vườn, quanh ta : trăm thứ hoa đua nở, muôn hồng nghìn tía, thơm tho ngào ngạt... mà khi phóng tầm con mắt ra xa, thì : nước trong ngấm dúi, non nước chợp chờn in vào da trời xanh mát.... Lại đâu, chim liu lo bót, bướm riu rít vờn, gió hây hây thổi. . tưởng chừng như vạn vật đều hưởng ứng cùng nhau để tổ-chức ra một cuộc « khánh thành » long trọng, mà vô luận ai cũng đều có được mời đến dự.

Trong bữa tiệc đại - đồng hiêm có ấy, ai không muốn sống, ham sống, ai lại không vui sống ? Thế mà lạ thay ! Cùng một ngày xuân ấy, một trời non nước cảm sắc hữu tình, mà mỗi người có một tâm - sự riêng, một quan-cảm riêng, kẻ cười người khóc, kẻ vui người buồn.

Cùng một ngày xuân làm đề mục cho thơ, cùng một cảnh xuân làm tài liệu cho thơ, mà mỗi thi-nhân cảm xuân một khác, yêu xuân một khác, dan-diu hẹn-hò với xuân một khác; Ấ-Xuân kia đối với khách văn chương cũng có bao nhiêu vẻ mặt, cũng có bấy nhiêu lối tình.

Đối với chín chục thiều - quang, cụ Nguyễn-Du vốn người có tâm sự, đa tình, đa cảm, nhưng nhà thi-hào chỉ đứng ở địa vị khách quan phóng đại cho ta một tấm tranh xuân cảnh :

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Cũng lại như nhà quan-sát, cụ thấy ngoại giới có cảnh gì mới, lạ thì chỉ biết lấy ngọn bút chì sẽ gạch vào trang giấy, còn tình tứ cảm tưởng ra sao thì để phần cho người ngắm cảnh. Ta cũng biết cụ là người giàu tình cảm lại có tâm - sự khác đời, sao đối với ngày xuân lại tỏ ra cái thái-độ vô-tình của một người xếp-cảnh ? ! ? Có lẽ cụ đương bận lòng về mối ưu-tư mà không để tâm đến những cảnh ngoại-vật nó vẫn chi-phối tâm-hồn của người ta mà họ vẫn coi như là những nguyên động-lực của sự vui, buồn, sướng, khổ ? ? ? Nên chi, cụ không để ngoại-cảnh nó kích thích cảm nhiễm mình, chỉ bằng lòng làm một vị du-xuân ngắm bức tranh của Tạo - Hóa đã phô diễn ra trước mắt, không ngây ngất và cũng chẳng say sưa :

*« Mặc người mưa Sở, gió Tần,
Những mình, mình có biết xuân là gì ! »*

Mà cụ Nguyễn-công-Trứ thì lại :

*Ai giám chê ta tết nhất nghèo,
Nghèo mà lịch sự đồ ai theo ?
Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc,
Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu.*

*Trừ - tịch kêu vang ba tiếng pháo,
Nguyên-tiên cao ngất một cây nêu.
Ai xuân, anh cũng chơi xuân với,
Chung-đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều.*

Cái thói thường của xã-hội ta là ở trong câu cửa miệng : « giàu, khó đến ba ngày tết mới hay ». Muốn biết ai là kẻ khó, người giàu, thì cứ đến đêm hôm cuối năm hãy lắng tai nghe nhà ấy có tiếng pháo hay không, hãy trông vào sân xem có nêu cao ngất ngưỡng hay không, và trên bàn thờ có bánh chưng chất chặt hay không, thì đủ rõ. Cái tâm-lý người đời đã khinh trọng như vậy, thì dầu mình nghèo kiết đến chừng nào cũng phải chật bóp dành dụm làm sao để có tiền sắm sửa trang hoàng trong ba ngày tết; gia-dĩ, không có tiền dư-dả cũng phải bòn tro đãi sạn trong nhà xem còn đồ vật gì đáng giá thì đem cầm cố, hay bán đắt bán rẻ đi, để mà theo tục-lệ: để đông gạo gói bánh chưng, mua pháo đốt, dựng nêu cao.... Những món thường thức ấy, đều là cốt yếu cả, tưởng chừng như không có không được, không có không ra vẻ tết mà rồi quan-chiêm người ta lại còn chê bai này khác nữa !

Trong dân gian, từ người sang cho chí kẻ hèn, từ kẻ sĩ cho chí người ngu, tùy gia phong kiệm, ai ai cũng phải theo tục lệ ấy cả.

Bởi vậy, nhà thi-sĩ Nguyễn-công-Trừ, ở vào cái hoàn cảnh ấy, cũng không sao thoát được thói thường: thời thì cũng « bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc, rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu »; cũng « vang ba tiếng pháo » hôm « trừ tịch »; « cao ngất một cây nêu » buổi « nguyên tiên », gọi là theo lệ, và để che mắt thế nhân kẻo chúng lại « chê ta tết nhất nghèo » chẳng? — Song le, « nghèo mà thanh lịch, bình đạm để làm gương cho những kẻ nhân gấp díp « vui xuân » vung tay quá chán, tiêu phí xa-xỉ, thì « ai xuân anh cũng chơi xuân với », tưởng ít kẻ theo kịp được; lại « chung đỉnh ơn vua ngày

tháng nhiều» tưởng cũng ít kể sánh bì được vậy.

Đó, khi cụ Nguyễn-Du với họa-cảnh, cụ Nguyễn-công-Trứ sắp sửa thưởng-xuân với ... bánh-chưng, rượu-thuốc, thì cụ Vị-Xuyên lại than-thở nỗi nhà :

*Bố ở một nơi, con ở một nơi,
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn-chương ngoại hạn, quan không chấm,
Nhà cửa giao-canh, nợ phải bồi.
Tin bạn hóa ra người thất thồ,
Vì ai nên nỗi lờ lăm vôi ?
Ba mươi một tuổi đã bao chốc !
Lặn tuổi trẻ non đã mấy hồi !*

Đông, tây, nam, bắc, khách tha-hương còn trở lại thăm quê : cha còn chồng vợ đề-huê, vui vầy đoàn-tụ, mà riêng cụ, than ôi ! tết nhất đến sau lưng, cha con mỗi người mỗi ngã, còn gì thăm thương hơn !

Lại đâu « văn-chương ngoại-hạn quan không chấm » mà nợ-nần đòi hỏi đến « giao-canh » tất phải trả xong, còn gì ái ngại bằng !

Cũng bởi tại mình quá tin bè bạn, phóng túng vô chừng, nên mới đến nỗi vong gia thất thồ, khi hối quá lại thì chao ôi ! xuân này tuổi đã ngoài ba chục, bước lịch-trình đã trải bao nỗi gian-truân !!!

Tuy vậy, « chẳng phong-lưu cũng ba ngày tết, kiết-cú như ai cũng rượu chè » ; và,

*Nhập thể cục bất khả vô văn tự,
Chẳng hay ho cũng dự một bài ;
Hưởng chi đã đồ tú - tài,
Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.*

.

để thay cho « tràng pháo chuột, bức tranh gà ... » với « khăn là váy lĩnh » tưởng cũng tạm tạm khả quan được vậy.

Đối với nỗi lo buồn của cụ Trần-kế-Xương, một bạn nhà-nho nọ đương rung đùi say tỉnh với xuân, ngâm câu xuân-hứng :

Hội trùng-gian xuân có một thì,
Thoi thắm thoắt câu đà bóng xế.

Khách đa tình gặp hội thanh-niên,
Cuộc hành-lạc, được bao nhiêu là lãi đấy (1) !

Phải ! đời người giải được có là bao, bất quá sống đến bảy mươi tuổi xưa nay cũng vẫn hiếm ! Thì tội chi mà lo nghĩ, mà buồn phiền cho nhọc thân, cho ốm xác, gặp xuân đây ta hãy cứ vui : « hội trùng gian xuân có một thì », thì « cuộc hành - lạc được bao nhiêu là lãi » cả !

Lại một nhà nữ-sĩ, bà huyện Thanh-Quan, đương ưu-du cảm-khái, raội buổi chiều xuân, ở nơi chùa Trấn-Võ :

Êm-ái chiều xuân, tới khán-đài,
Lâng-lâng chẳng bợn chút trần-ai.
Ba hồi chiêu-mộ, chuông gầm sóng,
Một vũng tang-thương, nước lộn trời.
Bề ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi !
Này này cực - lạc là đâu lá ?
Cực-lạc là đây chín rõ mười.

Khác với các bạn hàn-mặc, nhà nữ thi-hào này, gặp cảnh xuân-thiên lại dễ gọi lòng hoài-cổ ; mỗi bước xuân du-

1) Mấy câu thơ này trích ở quyển Văn-Đàn Bảo-Giám số hai của ông Trần trung Viên sao lục, không biết là của tác-giả nào, xuất xứ ở đâu, mà nhà «khảo cổ học» ấy không chú thích ! Trong việc sưu tập văn thơ của tiền bối mà không được rành mạch rõ ràng, thật bất lợi cho đọc-giả lắm, chẳng biết ông Trần tâm đến hay không ?

tấm lòng càng như nặng trĩu mỗi tình hoài, cái tình nhân-nhã êm-đềm, cái tình tha-thiết thâm-trầm, mênh-mang bát ngát...

Ấy bà Huyện thì trầm-tư mặc-tưởng, bối rối tơ lòng, cụ Tú-Xương thì phiến nổi « bỗ ở một nơi con một nơi », mà nhà thi-sĩ Tản-Đà thì lại hạ bút đề bài Xuân-cảm :

Xuân kia sáu bảy mươi lần,
Của trời tham được độ ngần ấy thời !
Chơi hoang mất nửa đi rồi,
Ngần ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo !
Trông gương luống đã thẹn thò,
Một mai tóc bạc vai gù mới dơ !
Thương thay xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay xưa những hững hờ với xuân.
Trăm nghìn gọi lại Đông-Quân,
Hãy khoan khoan tới, hãy lần lần lui.

.

Xuân cảm ! Đã bao nhiêu lần xuân đi xuân lại, xuân lại xuân đi ; xuân lại lại, không biết giữ gìn « chơi hoang tiêu mất nửa đi rồi » : « nào cớ bạc say mê, thâu đêm lẫn sáng, tơ tình vương-vít, mai nhớ chiều thương » để ngày tháng tiêu mòn trong « Giấc mộng », vui lấp vào « Khổ-tình-con » mà cứ vẫn « Còn chơi » nay nhà-trò, mai sầm-chợ, hát nói, hành-vân, đồ-đưa rượu-túy ... để đến nỗi xuân lại đi ... nay xuân lại lại ... soi gương trông bóng, « tóc bạc vai gù » thì trách chi chẳng « ngần-ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo ? ! ? »

Thương thay xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay xưa những hững hờ với xuân !

Cho nên xuân đến mà lo, xuân đi mà tiếc ; tiếc tiếc lo lo, xuân cũng thế mà thôi : « không khoan tới » và cũng chẳng « lần lui » có thân thì liệu ... lấy đời mới ngoan.

Những bài thuật hoài, cảm tác, đề cảm, vịnh tình về

ngày xuân (phần nhiều ít tả cảnh hơn tả tình) của các văn-nhân thi-sĩ ta, kể sưu tập hết ra đây còn nhiều lắm; vậy hãy xin chung góp với các tao-nhân trong thi-giới nước nhà một vài bài, gọi là đề-ôn-lại và thưởng thức cùng với xuân này cái hương vị những xuân qua của các bậc văn-chương tiên-tiến.

Phải như văn chương là cái kết quả của hoàn cảnh và cũng là tấm gương phản chiếu tình thần của một thời-đại, thì mấy bài thơ trích lục trên đây, sẽ đủ hình dung được một cuộc sinh hoạt lạnh lùng và eo hẹp nếu không của cả một dân-tộc, cũng là của một số đông người nước ta trong thời bấy giờ vậy.

Ngày xuân, ai ai vui, ta buồn chán, ta tiếc thương, tại sao thế?

— Ta những mải lo cho phần vật chất sao được đầy đủ: cái xác thịt của ta còn bị những xiềng xích của hoàn cảnh nó trói buộc, nó áp-đề không còn thời-giờ đâu rảnh rang nhàn hạ, nên để làm lụy cả phần tinh thần không được chiêm nghiệm thưởng thức những cái trang nghiêm mỹ lệ của Hóa-công!... Khi mảnh hình hài đã bị dầy ả vào cái hoàn cảnh chật hẹp, khó thở như kia, thì trong tâm khảm bao giờ cũng chứa chất đầy những sự ước mong mơ tưởng nóng nung như lửa cháy dầu sôi của một kẻ tù-nhân muốn đảo ngược, rồi khi cơ-mưu bại lộ, công-kuộc dở dang, phải thở ra những giọng chua cay phiến-oán.

Bà Văn-Đài, trong một bài NGÂM XUÂN đăng ở số P. N. T. V. mùa xuân trước, có câu:

*Ngâm xuân lại tủi cho đời,
Phải sanh ra kiếp anh tài như ai!
Bụi hồng chi quản chông gai,
Vẫy vùng biển rộng sóng dài với xuân.*

Mấy câu thơ này đủ làm tiêu biểu cho cái hoài bão chung của một phần đông thi-sĩ ta vậy.

Giá như ở vào trời đất khác, cảnh xuân thiên lất được muôn vẻ đậm đà, sinh đẹp, các thi - nhân đã ôm đàn ra cùng với chim xuân, gió xuân hoa xuân họa lên những cuộc cử nhạc rất khoái hoạt êm đềm nhưng ở trời đất Việt, thì :

«Mặc người mưa Sở, gió Tần,
«Những mình, mình có biết xuân là gì ! »
Tưởng xuân nước nhà cũng tẻ lắm vậy thay !

HỒNG ĐIỀU



Chỉ còn ít ngày nữa thi đã tới năm Giáp - Tuất, Nhân sắp sang năm mới, V. H. T. C. đồng - nhân chúng tôi xin thành thực chúc cho các đọc-giả được vạn sự như ý, toàn quốc-dân được gặp những sự may mắn.

Chúng tôi lại xin các ngài cùng mong với chúng tôi, sang năm mới này :

- 1.) Nạn kinh-tế khủng-hoảng sẽ tiêu dần đi.
- 2.) Cuộc làm ăn trong khắp các giới được mọi bề tiến phát.



THI THOAI

Bạn tôi là ông Hoàng-kiểm-Thu, thơ hay có tiếng; trong thi-đàn ta ngày nay, theo ý tôi, tôi phải đặt ông vào chiếu nhất chiếu nhì. Ông làm thơ, thường rất đề ý về việc chuốt lời, lời phải đẹp dễ và nhẹ nhàng, không chịu để một chữ nào nặng nề, một lời nào vướng tức, nếu không như ý thì đọc đi đọc lại chưa đến kỳ được. Vẫn biết nhà làm thơ mà quá thiên về lời, không khỏi có khi hại ý. Song thơ nó là một thứ nghệ-thuật, một thứ mỹ - thuật, nếu không chau chuốt cho lấy đẹp, khiến người đọc đến phải phát sinh ra cái mỹ cảm, thì dù trong bài thơ có chứa những ý tưởng hay hóm đến đâu đi nữa, cũng không thể gọi được là một bài thơ hay hoàn toàn. Huống chi những tay danh-thi, làm thơ đã biết chú ý đến cái đẹp về phần lời, há có khờ gì mà lại không biết chú ý đến cái đẹp về phần ý. Thơ ông Kiềm - Thu, tôi muốn phê bình nó, tôi không tìm được cái tiếng gì đúng hơn là cái tiếng « đẹp », nó thực đã đẹp cả phần ý lẫn phần lời.

Tập thơ của ông, đợi sau này tôi sưu tập được, sẽ xin đăng vào *Văn-Học* để cống hiến các bạn yêu thơ. Hôm nay đây, bẵng xin chép mấy bài thơ tình ở trong một cái dật-sự của bạn tôi; bạn tôi ở xa, tôi chưa kịp xin phép chép câu chuyện này, song bạn có hay, thì âu cũng chỉ đến mỉm cười, vì tuy là chuyện tình,

nhưng là cái tình cao nhã, cái tình trong sạch, cái tình của hạng người văn-nhân thi-sĩ.

Mùa đông năm Mậu-Thìn tức lịch tây năm 1928, bạn tôi có việc đi Tuyên-quang. Nhân khi ở chơi nhà một người bạn ở Tuyên, tình cờ một hôm có một nữ-sĩ bên láng giềng, cũng đến chơi nhà người bạn ấy. Nữ-sĩ có học thức lại có nhan sắc, bạn tôi không khỏi đem lòng khuynh mộ ; lạ gì văn-nhân tài - tử, xưa nay nguyên vẫn giống đa tình. Sau khi về Hanoi, bạn tôi nhân nghĩ ra một cách chơi thơ rất buồn cười, định làm ra một trăm bài thơ, đầu đề là « nhớ ai », rồi cứ lần lượt gửi lên Tuyên cho nữ-sĩ ấy ; song thơ gửi không ký tên ai, cũng chẳng đề địa-chỉ của người gửi thơ. Mỗi phong thơ gửi đi, trong hoặc có một bài, hoặc có hai bài, nhưng cứ theo thứ tự từng bài mà đánh số. Trong mỗi phong, trước hết đều có lời hỏi thăm và lời trách móc sao nữ-sĩ không chịu đáp thư, ấy là nói trên chơi đó thôi, kỳ thực người ta biết mình là ai và biết mình ở đâu mà đáp? Nhất là hồi ấy bạn tôi lại thường có việc phải đi các tỉnh, rồi có phong thơ thì gửi từ Hanoi, có phong thì gửi từ Nam định, có phong thì gửi từ Hòa-bình, có phong thì gửi từ Hà-nam. Tưởng nữ-sĩ kia tiếp được thơ, không khỏi phải vô cùng sá ngạc. Bấy giờ theo như tôi biết thì bạn tôi đã làm đến bài thơ « Nhớ ai » số 5, và đã gửi đi 4 phong thư Song tôi chỉ nhớ được 3 bài như sau này :

NHỚ AI

I

*Dứt tiếng ly-ca ném chén vàng,
Bồi hồi từ giã đất Tuyên-quang.
Biết tìm đâu thấy người trong mộng,
Khéo nào lòng thay cảnh dọc đường.
Cây cỏ ba đông trời cố-quốc,
Nước non muôn dặm bóng tà - dương.*

Xanh xanh sông nọ bao nhiêu khúc,
Một khúc xa nhau một đoạn trường.

II

Ta một phương trời, khách một phương,
Đôi lòng ai dặt sợi tơ vương?
Không quen thuộc đã thành dan díu,
Có biệt ly đành phải nhớ thương.
Ơn nặng chưa đền cho đất nước,
Tình riêng tạm gửi với văn chương.
Thăm nhau muốn mượn đường trong mộng,
Núi Tản sông Lô mấy dặm trường.

III

Người bến Sông Lô kẻ chợ Bờ,
Nhìn nhau chẳng thấy ruột vò tơ.
Chiếc thân đất khách ta buồn lắm,
Giấc mộng đêm trường khách tỉnh chưa?
Nhầm trước đã đành ra thế ấy,
Đường xa sớm liệu tự bây giờ.
Mong mệnh bốn bề ai tri - kỷ?
Canh vắng đèn tàn tiếng gió mưa.

Còn hai bài IV và V là nhân dịp tết Nguyên-đán Âm-lịch, gửi mừng nữ-sĩ ấy, song tôi không nhớ. Quay sang năm sau, cuộc thế vẫn xoay, việc người biến hoán, bạn tôi còn thì giờ đâu mà «Nhớ ai»? còn tâm tư đâu mà «Nhớ ai»?

Chuyện như thế, thơ như thế, ngày qua tháng lui, đến nay tôi muốn cho cái dặt-sự ấy làm một câu giai-thoại trên chốn văn - đàn.

NGÔ-VĂN-TRIỂN



AI LÀM RA BÀI VĂN

TẦN CUNG OÁN ?

Trước kia, khúc Cung-oán-ngâm, có người cũng gọi là Tần-cung oán thành ra Cung-oán-ngâm với Tần-cung-oán nhiều người đều tưởng chỉ là có một bản «Vách quế gió vàng». Nhưng mới đây, người ta đã tìm ra bản Tần-cung-oán khác hẳn với bản Cung-oán ngâm, một đặng là một bài văn tứ lục (1), một đặng là một tập văn song thất lục bát. Mà nói cho phải, hai thiên văn chương ấy đều là những áng văn kiệt tác của nước ta về khoảng đời Lê-mạt Nguyễn - sơ; đáng khiến cho chúng ta ngày nay phải lấy làm báu trọng vô cùng.

Văn Cung-oán-ngâm thì nhiều người đã biết cả rồi, trên tạp - chí này, ở vài số trước đây, chúng tôi cũng đã có dịp đem ra bàn bạc. Duy văn Tần-cung-oán thì giám chắc rằng còn rất ít người biết, vậy trong bài này chúng tôi muốn trích mấy câu, để đọc-giả được biết qua cái giá trị của tập văn ấy thế nào.

Song trước khi trích câu văn ra, hăng nên giải nghĩa về ba chữ «Tần-cung oán». Nguyên trong sử Tàu, về đầu đời Hán có chép việc ông Bái-Công (Hán-cai-Tô) vào đất Quan-trung đánh phá nhà Tần, thấy trong cung Tần có nhiều gái đẹp và của báu, sinh lòng tham dục muốn lưu ở lại; nhưng vì có bọn mưu thần là Trương-Lương, Phàn-Khoái, can ngăn ông mãi, bảo nhà Tần vì thế mà mất nước, sao ta còn nên theo vết xe đổ. Bái-Công không sao được, đành phải nghe họ đem quân về Bá-thượng. Truyện cũ ở sử Tàu thì thế. Một nhà

(1) Tứ lục là lối văn có những câu 4 chữ và 6 chữ mà có hai vế đi song nhau; song trong khi làm văn cũng tùy tiện mà biến hóa thêm bớt chữ không nhất định 4 chữ với 6 chữ.

văn-sĩ nước ta xưa, chắc hẳn cũng có vì sự cảm hứn
thế nào, mới làm ra bài văn này, thác lời các cung
nữ nhà Tần, sau khi thấy Bái-Công đi, sinh lòng oán
vọng, làm ra bài này để than trách. Nhân thế bài
văn này gọi là bài Tần-cung oán, nghĩa là lời than oán
của những cung - nữ nhà Tần. Trước hăng hiều đầu bài
như thế, thì xem đến câu văn mới thấy có thú :

3. Nếu tuổi xanh chẳng nhuộm bụi hồng, chiếc
ngư phủ đã đưa vào động biếc ;

Bởi má đỏ thường đeo phận bạc, chỉ nguyệt-ông
nên dặt lại lầu son.

7. Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiến
hứng đành chìm dòng nước chảy ;

Làm môi thắm đến con chim còn ghét, giấc thừa
ân nhắc nỗi bóng trăng tà.

11. Con hươu bách nhị lạc loài đâu, hoa cỏ ủ ế vườn
thượng - uyển,

Cái én tam thiên ngư ngần đó, mây mưa
bát ngát đỉnh Vu phong.

13. Vì thân đã lây hương cấm - dịch, cỏ Ly-sơn
đành lấp lóc da rồi ;

Tướng phận còn vương lá ngự-câu, trăng Dĩ-
thủy hãy cầm hình bóng lại.

36. Nào thừa trước núp rừng cây nghe nhạc ngựa,
thấp thoáng bóng tàn giàn kiệu,

Những than dài chỉ cả trượng phu ; mà bảy giờ
ngồi lầu ngọc ngắm tranh người, ngهنh ngang đầu
mão chân hài, lại làm ngánh ngói cao Hoàng-Đế.

40. Nơi hang giá vì hơi dương đang thấu, thì trong nước ai không thần thiếp, lộ phòng tiêu cung quế mới vui lòng ;

Chốn non Kinh dù vẻ ngọc mà lằm, thì dưới giới dâu chẳng giang sơn, về cửa, cỏ lều tranh càng mát mặt.

Ấy đọc-giả thử coi những câu văn trên đó, thực là vàng ken ngọc giát, gấm dệt hoa thêu, nếu không phải một tay già sạm về quốc - văn và về Hán-văn, không làm nổi những câu như thế. Song không phải chỉ những câu chúng tôi trích ra ở trên là hay, toàn bài có 43 liên (1), hầu hết đều hay như thế cả. Lại thú hơn nữa là những điển cố dùng trong câu văn, hầu hết là điển cố thuộc về hoàn cảnh của cái đầu đề ấy, như nói cỏ Ly-sơn, thì Ly-sơn là nơi chôn Tần-thủy-Hoàng, trắng Dĩ-thủy thì Dĩ-thủy là nơi Hán-cao-Đế lên ngôi văn, văn.

Từ khi nước ta có chữ Quốc-ngữ mãi đến năm 1933, Tần-cung-oán mới bắt đầu có người đem in ra đời, mà trong một năm, nó có những hai lần xuất-bản, đều ở trong Huế (2). Lần thứ nhất do ông Phác trung-Ngọc sao lục bài ấy, rồi giải nghĩa và phê bình, xuất bản ở nhà in Tiếng-Dân, đề nhan là Tần-cung-oán ; lần thứ hai do hai ông Ưng-Trung, Ưng-Lão (cháu gọi Ngài Tuy-lý-Vương bằng ông) sao lục, dẫn giải và phê bình, xuất bản ở nhà in Đắc-Lập, đề nhan là « Tần-cung-nữ-oán Bái-Công văn ». Hai lần xuất - bản, các nhà xuất bản đều có gửi tặng Văn-Học Tạp-Chí. Chúng tôi xem ra thì thấy bản sau đủ hơn bản trước, vì bản trước so với bản sau thì đoạn cuối thiếu mất 7 liên. Đến như kể về nội-dung, thì từ bản họ Phác đến bản họ

(1) Cứ mỗi hai vế đối nhau gọi là một liên.

(2) Nghe nói báo Đông-Thanh Hanoi mới đây cũng có đăng bài văn này, nhưng ở số nào tôi chưa được đọc. T. K.

Ứng (1) theo ý chúng tôi, bản nào cũng không tránh khỏi cái vết sai lầm cả. Tức như ở liên thứ 1 và liên thứ 3, tôi nhận bản họ Ứng đúng hơn bản họ Phác, mà ở liên thứ 2, tôi lại nhận bản họ Phác đúng hơn bản họ Ứng; ở những liên sau, cũng nhiều chỗ nhận thấy như thế. Lại không đúng cả, như ở liên thứ 5, câu đầu vẽ dưới, bản họ Phác chép: « Các phượng chen bóng bụi đường mây »; bản họ Ứng chép: « Các phụng chen bóng bồ đường mây ». Bóng bụi, tôi thấy nó không phải nghĩa, mà bóng bồ tôi lại càng không hiểu nó là nghĩa gì, dù các ông ấy đã có giải nghĩa nhưng tôi thấy đều không thông cả. Theo như ý tôi chữ ấy hoặc nó là chữ *bội*, *bội* nghĩa là những đồ vàng ngọc trang sức, tức như trong Cung-oán-ngâm có câu: « Bóng *bội* hoàn lấp lổ trắng thanh ». Thế nhưng *bóng bội* mà bảo *dường mây* (như mây), tôi tưởng không đúng bằng *bảo đường sao*, vì vàng ngọc nó thường lấp loáng như sao vậy. Nếu đã dùng chữ *dường mây* thì hai chữ trên sao không đổi là *bóng áo*? *Bóng áo đường mây* phải nghĩa lắm, vì trong thơ Đường có chữ *vân tường y thường* (xiêm áo như mây).

Trở lên những lời tôi nói, đều là do ý kiến riêng tôi, tôi dùng cái phương pháp « hiệu khám cổ-thư » của tôi mà suy luận ra, chứ không phải đã từng được xem một bản thứ ba nào khác. Song đó chỉ là xin tạm trích ra một vài chỗ, chứ nếu muốn bàn kỹ về bài văn ấy, và về hai bản dẫn-giải ấy, bằng xin khất lại đề một kỳ khác. Trong bài này, đến đây tôi cần phải ngoảnh lên đầu bài. Chủ ý bài này, tôi muốn bàn xem ai là tác-giả bài Tần-cung-oán, mà sở dĩ tôi khởi ra câu hỏi ấy, cũng vì tôi xem hai bản in của các ông họ Phác và họ Ứng. Bản của họ Phác thì không dám

(1) Chữ Ứng đây dùng để phủ lên trên tên những người hoàng-phái về dòng cháu 4 đời vua Minh-Mệnh chứ không phải là họ, nhưng trong bài này cũng xin tạm gọi là họ Ứng.

quyết tác-giả là ai, chỉ bảo : « người thi nói của ông Nguyễn-hữu-Chỉnh (lúc vua Quang-Trung ra Bắc-Hà, rồi rút về Nam, nên Chỉnh làm bài này) ; người thi nói của ông Phùng tri Tri (ở làng Duy-Liệt huyện Kỳ-anh tỉnh Hà-Tĩnh, mà bài này là bài ông thi đỗ) chưa biết đâu là đích xác ». Còn bản của họ Ưng thì quyết tác-giả bài này là ông Đặng-trần-Thường. Có một bài văn mà người bảo tác-giả là ông họ, kể rằng tác-giả là ông kia, thực đã đáng buồn cho những kẻ lưu tâm về nền văn-học cũ của nước nhà biết mấy.

Nay về phần tôi, tôi xin lấy ý riêng mà xét đoán về những cái thuyết của các ông họ Ưng và họ Phác. Bảo rằng bài văn Tần cung oán là một bài văn thi đỗ của ông Phùng tri Tri về đời Mạc thì tôi cho là vô lý. Sao bảo là vô lý ? Vì xem trong văn, nếu là một bài văn ứng thí, lạ gì ở cái đời chuyên chế thừa trước tất là phải có giọng nịnh hót Hoàng triều, tán tụng Hoàng triều ; nịnh hót tán tụng còn chưa đời, đâu lại còn dám có những câu ngạo xược. Ấy thế mà trong văn Tần-cung-oán, thấy những lời trông liên số 36 và số 40 đã dẫn ở trên rõ là những lời ngạo xược, những lời mạo phạm. Tôi không thể nào tin rằng một bài văn ứng thí ở đời đế-chế lại dám có những lời như thế, nhất là bảo bài văn ấy lại là một bài được lấy đỗ thì nó càng vô lý biết bao !

Đến cái thuyết của các ông họ Ưng, bảo bài ấy của ông Đặng-trần-Thường ; có lẽ cũng là vu vơ, chưa đủ tin được. Trước hết các ông bảo ông Đặng-trần-Thường là người Nghệ-an, điều ấy lầm đấy, ông Đặng là người tỉnh Hà-dong (Bắc-kỳ) kia mà. Huống chi ông Đặng là một vị trung lương công thần của Nguyễn - triều, về sau bị nhà vua bạc đãi, rồi đến phải tội, nếu quả bài này là của ông Đặng làm ra để tỏ ý oán trách nhà vua, sao tỉnh không thấy có một lời nào kể lể cái công lao của mình ? sao tỉnh không có chi hợp với khẩu văn

một người công thần bị bạc đãi ? và sao ông Đặng không lấy việc Hán-cai-Tổ bạc đãi Hàn-Tín hay Bành-Việt làm đầu bài cho nó thích hợp với tình cảnh, mà tại lấy Tần-cung-oán làm đầu bài ?

Cứ như tôi xem, bài này tựa như khẩu văn của một người thân-sĩ Bắc-Hà về cuối đời Lê, gặp triều Tây sơn hay triều Nguyễn dấy lên, muốn ra làm quan mà không có dịp được tiến dụng, tân-chúa lại kéo quân về Huế, nên mới làm ra bài này để tỏ ý oán vọng. Ấy nếu cứ xem văn mà đoán phỏng thì tôi phải đoán đến như thế. Song đã có người bảo bài văn ấy của ông Bàng-trung-công Nguyễn-hữu-Chỉnh, thì tôi cho là thuyết ấy nó còn có lý hơn là hai thuyết của ông Phùng và ông Đặng trên kia. Ông Nguyễn-hữu-Chỉnh sau khi hoạch sách và phò vua Nguyễn-Huệ ra lấy Bắc-Hà, ông bị vua đem lòng nghi ngờ, đương đem kéo quân về Thuận-Hóa mà bỏ ông ở lại, ông nhân làm ra bài này để oán trách và chế riễu. Cái thuyết ấy nghe ra hoặc còn có lý. Vậy thì bài văn Tần cung oán, có quả là của ông Nguyễn-hữu-Chỉnh làm ra chăng ? Xin hỏi chung các nhà từng hay lưu tâm về cái học quốc cổ (1).

Trúc-Khê NGÔ-VĂN-TRIỂN

(1) Cái học chuyên nghiên cứu về văn-hóa và lịch-sử của bản-quốc.



BÀI TỰ - TÌNH

của ông Cao-Bá-Nhạ

(Tiếp theo số 30)

VII.- Lúc bị bắt

*Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới,
Bỗng hỡi-hùng gió thổi mưa chan.*

*Nỗi chìm chìm nỗi bề oan,
Mấy năm hầu cạn, một cơn lại đầy (117).
Nặng kiếp trước vô - giầy chi mãi?
Ngẫm tình này oan - trái sao cân?
Nghĩ thân mà ngán cho thân,
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi!
Chữ bạc-mệnh, ai ơi! xót với,
Câu đa-gian (118), giờ hỡi! thấu chăng?
Gớm thay! ngọn lửa đốt rừng,
Dập tàn, tàn lại bưng-bưng bỗng không.
Ghé cho kẻ mọc lông trong bụng (119),
Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi (120).
Ngựa hươu thay đổi như chơi,
Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay (121).*

(117) Hai câu này ý nói: qua mấy năm trời, nỗi cực khổ đã bớt dần hầu hết, thì bỗng đâu tai vạ lại xảy đến.

(118) Đa gian: nhiều nỗi gian truân, cực khổ.

(119) Mọc lông trong bụng: ý nói bụng dạ độc ác.

(120) Vẽ bóng ngoài môi: ý nói đặt chuyện nói vu.

(121) Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay: nghĩa bóng là lấy miệng lưỡi vu hãm mà giết người, bất thành linh dùng mưu kế ác độc làm hại người.

Gây ra sự chia cây rụng lá,

Để cho ai chìm cá giạt bèo.

Năm ba kẻ thước người hèo (122),

Ngõ Nhan lòi cái đan-biêu đập tan (123).

Gà éo - óc vừa tàn giấc mộng,

Nặng vo-ve sức động hồn kinh.

Tiểu-đồng hồn thức chung quanh,

Thê nhi lăn lóc bên mình khóc than.

Phút nửa khắc muôn ngàn thê thảm,

Trong một mình bảy tám biệt ly.

Ngảnh vào ái ngại thê-nhi,

Ngảnh ra án cũ cầm thi ngại ngần.

Lay ngọn cúc gió dẫn lăn lóc (124),

Thăm cảnh mai sương khóc chan hòa (125).

Trông hoa đau đớn cùng hoa,

Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình.

Áo xốc-xếch nửa manh chấp nối,

Tóc loăn-xoăn trăm mối bông bong.

(122) *Thước* tức là tay thước: một thoi gỗ dài mà dẹp dùng để đánh trộm cướp. — *Hèo*: gây.

(123) *Ngõ Nhan lòi cái đan-biêu đập tan*: Xưa ông Nhan-Hồi ở ngõ hẻm chỉ có một rổ cơm, một bầu nước. Câu này ý nói lính tráng vào nhà đập phá hết cả. *Đan* = rổ. *Biêu* = bầu.

(124) Câu này tả cảnh những ngọn cúc bị gió mạnh lay, như người vì mình thương sót mà lăn lóc vậy.

(125) Câu này tả cảnh những giọt sương rỏ dưới cảnh mai, tựa nước mắt chan chứa của người cảm thương nỗi đau khổ của mình. Hai câu này ý nói: trong lòng đau đớn, nên trông ra ngoài, cảnh nào cũng có vẻ buồn như muốn vì mình mà thương mà khóc vậy.

Sầu dài chia nửa vào song (?),
 Bước ra dùng dăng lại trông giở vào.
 Hồn khuê-phụ (126) lao đao lặng ngắt,
 Người hương quan (127) quanh quất thương thay.
 Bèo mây (128) lữ bước từ đây,
 Nước non tiên khách là ngày hai năm.

(Còn nữa)

(126) Khuê phụ: người vợ ở trong buồng.

(127) Hương quan: nhà quê, làng mạc.

(128) Bèo mây: bèo ở dưới nước, mây ở trên trời, không bao giờ gặp nhau; chỉ cảnh ly biệt.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC và DƯƠNG-QUẢNG HÀM



Vì số này ra nhằm gần gịp Tết nên bài vở kỳ này có thiên về Tết và xuân. Đó là chỗ dụng tâm của chúng tôi. Mong các đọc-giả biết cho và nhân tiện thưa cùng các Ngài rằng số ra ngày 15-2-34 này sẽ không có (vì ngày ấy nhằm mồng hai Tết), số 33 sẽ xuất bản vào ngày 1-3-34.

Cùng ông Trần-Thanh-Mai

ở báo Phụ-Nữ Thời-Đàm



Vừa rồi đọc báo *Phụ-nữ Thời-đàm* số 12 và số 14, thấy có hai bài của ông Trần thanh-Mai, đề mục là « *Tìm sự thực trước khi viết bộ Việt-Nam văn-học sử* ». Tôi cũng đồng ý với ông Trần-thanh Mai về những ý kiến ở trong hai bài ấy, nghĩa là tôi cũng phủ nhận những câu chuyện truyền thuyết một cách hoang đường về các ông trạng nước ta đi sứ sang Tàu thừa trước, trừ ra những phần gần với sự thực mà tôi có thể tin. Không phải là đến bây giờ tôi đọc bài của ông Trần-thanh-Mai, và bài « *Cái bệnh ăn cắp của Tàu* » của ông Phan-Khôi (đăng ở *Phụ-Nữ Thời-đàm* số 13 trang 9-10) mà mới hiểu ra ; chính thật những câu chuyện truyền thuyết ấy, nó đã tự làm cho tôi và nhiều người khác hiểu ra là chuyện rất khó tin, mà nhất là từ khi tôi được có người cho biết câu chuyện văn-tế của ông Mạc-dĩnh-Chi có thấy chép ở trong sách *Thuyết-phu tùng-đàm của Tàu*, người Tàu bảo

là của Dương-Ưc, và câu đối « *Ly my vông lượng tứ tiêu quý, cầm sắt tỳ bà bát đại vương* » của Mạc-dĩnh-Chi, sách Tàu họ bảo là của Giải Lấn, thì tôi sớm đã hoài nghi tất cả những câu chuyện truyền thuyết ấy. Tôi hoài nghi mà chưa viết bài phát biểu ý-kiến, nay thấy ông Trần viết hai bài ấy, đập phá những mối tin liêu của công chúng, tôi lấy làm xứng ý biết chừng nào.

Thế nhưng tiếc rằng hai bài ấy của ông Trần không khỏi có những chỗ quá kích và vội vàng, vì vậy tôi phải viết mấy lời bàn lại.

Một là nhân câu chuyện đối đáp chữ nghĩa và xướng họa thơ từ, có nhiều chỗ bịa đặt xa với sự thực, ông bèn hất đồ cả đi mà bảo là những chuyện đối đáp xướng họa đều là bịa hết. Nói vậy là ông đã làm cho mờ tối sự thực chứ không phải là tìm sự thực. Vì sự thực vốn quả có những chuyện đối đáp xướng họa.

Nguyên cuộc bang giao của nước ta nước Tàu xưa, phạm khi sai sứ vắng lai bao giờ cũng phải chọn người văn tài mẫn tiệp để tiện sự ứng đáp. Vì khi sứ ta sang nước Tàu, từ ở giốc đường đối với quan Tàu, cho đến vào triều đối với vua Tàu, đều thấy phải rở cái tài thơ ra cả. Như là đi qua một tỉnh một hạt, quan Tàu đón rước tử tế, lúc đi lưu tặng cũng bằng thơ, vào đến triều-đình, vua Tàu ban đồ vàng lụa, hay tứ yển, tạ ơn thiên-tử cũng bằng thơ, có khi trong một bữa tiệc mà một quan sứ-giả vừa thơ tạ ơn, vừa thơ tặng đáp, phải làm luôn đến 5, 7 bài, ta cứ xem trong những tập thơ đi sứ của các cụ ta xưa thì biết. Sứ ta sang Tàu như vậy, mà sứ Tàu sang ta cũng thế, nghĩa là trong lúc hòa bình giao thiệp, hai bên sứ-giả đi lại, thường lấy văn chương mà khoe mẽ với nhau. Chẳng nói đâu xa, ngay về thời Minh-Mệnh, Tự-Đức gần đây, cái phong ấy cũng vẫn còn nguyên, vì tôi đã từng được xem một tập thơ chữ nho của sứ Tàu và quan tiếp-sứ

nước ta về hồi ấy, đôi bên xướng họa. Vậy thì cái sự đối đáp xướng họa của sứ-giả hai bên là sự thật, ta không thể bắt bỏ cả đi mà bảo là chuyện không có, duy những điều nào nó rất vô lý, nó xa sự thực, thì ta hãy bác bỏ mà thôi.

Hai là những chuyện về các ông Trạng đi sứ, đối đáp như thần, đều là những chuyện truyền thuyết ở dân gian, cũng là biên chép ở trong những cuốn già-thặng, chứ đến chính-sử thì tuyệt nhiên không có. Chính-sử không có, những câu chuyện ấy nó chỉ như câu chuyện tiếu-thuyết, nó cũng như những câu chuyện Bao-Công tra án của Trung-quốc, nhà làm truyện họ bịa ra hàng trăm những cái kỳ án mà gán cả vào mình Bao-Công, ai nhắm mắt tin liền thì cứ mà tin, còn người có cái óc sáng thì họ vẫn coi là câu chuyện tiếu-thuyết. Ấy câu chuyện các ông Trạng đi sứ Tàu của ta, đại khái tính chất của nó là như thế đó, chính sử của nước, chưa hề có biên chép đến nó bao giờ. Ấy thế mà lạ thay ông

Trần-thanh-Mai, chuyện con ma rừng gì ông cũng đồ cho là « sử chép ». Chuyện ông Nguyễn-Hiền năm lên 7 tuổi, làm câu đối đáp với quan Thái-thú, *sử chép* ! Chuyện vua Tàu thân hành sát hạch ba Trạng An-nam, Cao-ly và Nhật bản, trạng An-nam liếc trộm văn của trạng Cao-ly, *sử chép* ! Chuyện Mạc-dăng Dung tiếm quốc, bên Tàu sai Mao-bá-Ôn sang đánh úp nước ta, vậy mà ông trạng Giáp-Hải chỉ làm một bài thơ cái bèo, làm cho Bá-Ôn phải rút quân về không dám đánh, *sử chép* ! Lại đến chuyện các ông Trạng Me, Trạng Ngọt, Trạng Lợn, Trạng Ăn, ông Mai cũng lại bảo là *sử chép* nốt ! Trời ơi, sử nào chép thế hử ông Mai ?

Phàm đã gọi trống một tiếng là sử, tất nó phải là bộ chính-sử, cả một nước đều công nhận, coi nó như

cuốn gia-phả của một nhà. Quốc-sử của một nước nào, nếu những câu chuyện xuẩn lý mà cũng đem chép vào, thì người đọc sử có thể coi cái dân ấy là một dân-tộc xuẩn. Dân Việt-Nam dẫu là một dân hèn yếu, nhưng dẫu đến nỗi là một dân tộc xuẩn cho nên quốc-sử Việt-Nam có hề chép những câu chuyện xuẩn như chuyện làm bài thơ bèo đuổi được mấy chục vạn quân giặc, và chuyện Trạng Me, Trạng Lợn bao giờ đâu ! Ông Mai nhất nhất những câu chuyện ở trong những cuốn sách bá-láp nào, đại khái như hạng những quyền sách xuất-bản của hiệu Phù-Văn phố hàng Gai (Hanoi) (1), rồi ông nhất nhất cứ cho là quốc-sử của nước Nam cả. Nếu những quyền ấy mà vô đều là sử của nước Nam, thì những chuyện Trư-bát-Giới, Tôn-hành-Giả, có nhẽ nó cũng

1) Tôi có xem quyền truyện ông Mạc-dĩnh-Chi của nhà Phù-Văn xuất bản, họ chép ông Mạc có làm một câu đối trong lại có lời chúc tụng vua Gia-Tĩnh nhà Minh. Quái gở chưa ! Đời ông Mạc-dĩnh-Chi, đến nhà Minh còn chưa có, đừng nói là vua Gia-Tĩnh. Tôi lại xem trong Nam-Hải dị-nhân, thì cũng thấy một cái nhầm nực cười như thế. Ông Phan-kế-Bính mà cũng có cái nhầm lạ đời thế ư ?

đều là sử của nước Tàu, phải chăng ông Thanh Mai? Ông đã hiểu lầm, ông đã chưa từng rở xem đến quyển chính sử của nước Nam, vậy mà ông vội phê đoán một cách quá nặng nề, như là ông bảo « xem đây đã thấy *cái ngu của người chép sử* » cùng là những câu tỏ ra ý chế riếu nước mình sao lại có thứ sử như thế. Vậy thì ông đã vu phiệt cho người ta lắm đó. Nếu người ngoại-quốc họ đọc được bài

của ông, họ tưởng là sử nước Nam có những câu chuyện hoang dã như thế thật, chẳng cũng có hại cho danh dự nước mình lắm sao!

Ngoài hai điều trên này thì tôi cũng đồng ý với ông Trần-thanh-Mai, trước khi viết cuốn « Việt-Nam văn-học sử », chúng ta phải chỉnh lý, lựa lọc về những tài liệu, đừng nên tin theo những lời truyền thuyết cũ xa với sự thực.

NGÔ-VĂN-TRIÊN



Trong số 30 gói sách bản-chí gửi tặng các ngài được thưởng về cuộc thi đặc biệt sửa đổi chữ quốc-ngữ theo kết quả tuyên bố ở V. H. số 27, chúng tôi có tiếp được:

3 gói của nhà Bưu Điện gửi trả lại, 2 gói thì vì người nhận đi xa không để lại chỗ ở (*parti sans laisser l'adresse*)

Còn 1 gói thì vì không có tên địa chỉ (*Inconnu*)

Thế là có 3 ông không nhận được sách thời. Vậy mà mới đây, chúng tôi có tiếp được của hai ông khác gửi thư về nói gói sách không đến tay các ông. Vậy là gói sách đã bị thất lạc rồi. Xin hai ông thử hỏi lại nhà Bưu-Điện chỗ mình ở xem, và nếu hai ông muốn nhận được gói sách khác thì xin gửi về cho O\$46 (bằng timbres postes cũng được) để chúng tôi gửi lời bảo-đảm cho các ông. Như thế thì không khi nào mất được nữa



VĂN THO'

CHẠY TẾT

Vợ vét vườn, sân đến xó nhà,
Có gì đem bán để tiêu pha.
Này buồng cau nhỏ, này con chó,
Cả chục cau xanh, cả mẹ gà.
Thóc đã theo gà đi chợ sớm,
Ngô còn đợi khách tếch đường xa.
Bán đi trả nợ và mua, sắm,
Nửa chạy tết người, nửa tết ta!

...

SẮM TẾT

Bán đi trả nợ đã xong rồi,
Còn ít tiền đây sắm tết thôi!
Này pháo, này tranh, này cúc nư,
Nọ đường, nọ mất, nọ đào tươi.
Chẳng quên rượu ngọt quên dầu hỏa,
Không nhớ bắc đèn, nhớ bột vôi.
Thuốc lá, chè tàu mua đủ cả,
Chỉ còn đợi thết khách vào chơi.

...

ĂN TẾT

Hoa quả, giò nem với bánh chưng,
Ban thờ chắt ních, tổ tiên mừng.
Khói hương nghi ngút người đương lễ,
Mâm cỗ linh đình, chủ đã bung.

Chỉ cuộc rượu chè mà bận - rộn,
 Riêng lời chúc tụng đủ tung - bưng.
 Vui chơi cho bỏ khi nào nhỉ?
 Chạy vạy đã còng cả sống lưng!

...

XONG TẾT

Cửa nhà xong tết nhẵn trơ - trơ,
 Hết rượu, hết chè, hết pháo chưa?
 Mấy chiếc chùng xanh thì mốc góc,
 Vài tờ giấy đỏ đã nhòa thơ.
 Áo quần nếp bẹp trong hòm kín,
 Đào cúc bơ - phờ khoảng chậu thừa.
 Chủ túng tiêu chẳng? Đi lĩnh nợ,
 Cuối năm chạy giả giống năm xưa!

VÂN HẠC LÊ VĂN-HÒE

...

HẢI HOA HỒNG

(Tặng cô Hồng - V.)

Phơi phơi cặp áo màu,
 Đua cười với gió đông.
 Cô Hồng thông - dong hái,
 Một, hai, ba đóa hồng.

Bóng người lẫn bóng hoa,
 Hoa tươi người thêm tươi.
 Hoa đẹp, người đẹp hái,
 Lòng đau miệng vẫn cười.

Văn - sĩ với cô Hồng,
 Cô Hồng với đóa hoa.
 Gắn bó giây thân-ái,
 Đố ai dằng cho ra.

NAM - TRẦN

NGUYỄN-HỌC-SỸ (Thanh-Hóa)

MỪNG XUÂN

Nắng hạ sương đông trái những ngày,
 Mong xuân ngơ ngẩn tấm lòng đây.
 Xuân về đôi khác màu non nước,
 Nâng chén mừng xuân chén rượu đầy.
 Chén rượu mừng xuân rót dưới hoa,
 Hoa vườn rực rỡ rước xuân ra.
 Mai khoe trắng muối đào khoe thắm,
 Vườn cũ như treo bức gấm là.

Xuân tới, bao giờ xuân lại lui?
 Xuân quang vùn vụt én đưa thoi.
 Đời người sáu, bảy mươi xuân vẫn,
 Mình đã tung hé quá nửa rồi.

NGÔ-SƠN CƯ-SĨ



CẢM XUÂN CA

Gió xuân phơ phơ trăm hoa cười,
 Đạo bước thôn nam viếng cảnh chơi.
 Tình cờ gặp một người thiếu-phụ,
 Lẳng lẳng bên cành lục liễu tươi.
 Má hồng ửng dợt đắm châu lụy,
 Tinh thần thê thảm và rầu rị!
 Rằng: « Sao trong buổi thiếu-quang này,
 Một mình riêng cảm tình chi đây? »
 Tay đỡ khăn hồng gạt lụy sa,
 Ân cần kể lẽ chuyện gần xa.

Rằng: « Tôi chút phận thân bồ liễu,
 Ngây thơ cũng gọi tiếng con nhà.
 « Cầu ô sớm bén duyên Ngưu Nử,
 « Tay bông tay mang quế đưa nỏ.
 « Xuân qua thu lại gương vẫn tròn,
 « Tiếng sắt tiếng cầm không nhịp lữ.
 « Ngắm lại nước đời ngao ngán thay!
 « Lòng người lật lựa hơn bàn tay!
 « Cánh hồng từ lúc thuận chiều gió,
 « Tin tức một ngày vắng một ngày!
 « Gần nay, lạt lẽo thơ và gói,
 « Việc nhà phân mang không muốn hỏi!
 « Dấu bông, ngõ hạnh gặp đào non,
 « Giấc mộng quan hà êm nệm gối!
 « Tầm rũi lòng tơ, quốc rũi hồn,
 « Mai gầy vóc sương, cúc héo mồn!
 « Kim tiền lại gặp hồi khủng hoảng,
 « Lấy gì độ nhật và nuôi con!
 « Nghe ngai cũng một bạc văn sĩ,
 « Cây viết một bài trên báo chí.
 « Họa may thấu đến người phương xa.
 « Sét đánh vào tai khinh-bạc qui! »
 Tôi nghe, trong lòng cũng thồn thức,
 Vừa muốn buồn cười vừa bức tức!
 Đời nay phong hóa thiệt suy đồi,
 Ngán nỗi nhân tình thêm bất trắc!...
 Thôi thôi ta giữ tấm lòng ta,
 Ở đời muôn sự đều như hoa!
 Tẻ vui tan hợp không mấy chốc,
 Nỗi chìm cũng mặc tay giời già.
 Thuở xưa tôi sống trong thư-phố (1),
 Mãi miệt sớm chiều kim với cò.
 Cơ duyên ngộ hợp nào ra gì,

1) Thư-phố là cái vườn sách.

Bạn chẳng yêu vì, vua cũng bỏ (1) !
Khéo thay đồng bịnh hóa tương liên,
Gặp gỡ nhau đây bản cũng duyên !
Từ giã ra về vô hạn cảm,
Cành xuân oanh hót gọi lòng phiền ! ...

VÂN-HẢI

LÊ-KẾ-XUÂN



ĐÊM XUÂN NGÂU HÙNG

(Hát nói)

Mưỡu

Nghĩ mình mình lại cười mình,
Rượu thơ sáu khắc năm canh dong-dài.
Đã sinh ra giống con người,
Khi vui vui góp, khi cười cười chung.

1) Thơ ông Mạnh-Hạo-Nhiên : « Bất tài mình chúa khi,
đa bịnh cổ nhân sơ ». Nghĩa là : không có tài nên vua
bỏ, lắm bịnh nên bạn cũng chẳng thương !

HÁT NÓI

Quân tử chi sở vị lạc giả (1),
 Diệc hà tất ca nhi vũ nữ phương thị phong
 lưu (2).

Đem mắt xanh mà nhìn cảnh cõi phù-du,
 Dù hoan lạc bi ưu đều ảo mộng.

Khả quái lão thiên đa sảo lộng (3),

Hà phương bình địa tĩnh phong ba (4).

Khi thanh nhàn rót rượu hoàng-hoa,

Góp thảo thụ sơn-hà vào ngọn bút :

Nào vận thơ già, nào câu văn chuốt,

Khi đưa bạn đọc, lúc đốt đèn ngâm.

Bấy nhiêu thu dan diu nghĩa thanh-khâm (5),

Đâu có nhẽ ôm cầm mà bất ngộ.

Bầu rượu dưới giăng, câu thơ trước gió,

Mỗi chung tình lăm độ cợt cười xuân.

Cho hay mặc khách tao nhân,

Non xanh nước biếc một thần-liên con.

Mặc ai danh lợi bán buôn.

TRẦN-LẬP-TRÁC

CÂU ĐỐI TẾT

(Tác-giả là một người lớn tuổi chưa vợ)

Mới qua tết lại tết, tết tới tết lui, lui tới
 tới lui đời vui nhỉ !

Nay đến xuân rồi xuân, xuân đi xuân
 lại, lại đi đi lại tới ngán chưa ?

TRƯỜNG-XUÂN

1) Sự vui của người quân tử.

2) Không cứ gì cô đầu hát xướng mới là phong lưu!

3) Ông già kia khéo hay cợt bợt người ta.

4) Người ta ở trên mặt đất phải biết tĩnh chấn, đừng để vật dục sôi nổi như gió như sóng.

5) Thanh khâm : vật áo xanh ý nói bạn văn tự.

Cụ Phan-thanh-Giản và việc cụ sang sứ nước Pháp năm 1863

Trong Văn-Học Tạp-Chi số 4 (trang 30), có đăng lược-sử cụ Phan-Thanh-Giản là một nhân-vật có liên-lạc với lịch-sử nước ta về cận - đại. Hôm 16 tháng chạp năm 1933, luật-sư VƯƠNG-QUANG-NHƯNG có đọc ở hội Khuyến-học tỉnh Vĩnh-Long một bài giảng thuyết về cụ cùng cuộc cụ sang sứ Pháp năm 1863. (Bài giảng thuyết ấy đã đăng trong báo *Tribune Indochinoise*, số 1084 đến 1089). Trong bài ấy, diễn-giải trước nói về đức tính và thân-thể cụ, sau thuật rõ việc cụ sang sứ Pháp-dinh để thương thuyết việc chuộc lại ba tỉnh phía đông Nam-kỳ mà vua ta trước đã nhượng cho nước Pháp. Vậy bản-chí tưởng nên trích dịch các đoạn chính trong bài giảng-thuyết ấy để các bạn đọc báo được biết tâm chí và sự nghiệp một bậc vĩ-nhân không những người nước ta đều kính phục mà cả người Pháp cũng mến tiếc nữa.

X

... Khuất-nhục và thanh-cao ! Cả cuộc đời của cụ, từ lúc đẻ đến lúc chết, hiển-nhiên có sự tương-phản ấy. Cụ vốn là con nhà thường dân, mà chỉ nhờ sự cần-cù kiên-nhẫn, làm tới chức vụ tối cao trong nước, đầu tiến-sĩ, hàm Hiệp-biện đại học-sĩ, chánh nhất phẩm, sung chức Thượng-thư, nhiều lần được cử làm sứ-thần sang Tàu và sang Pháp.

Số trời hình như đã định trước mệnh-vận có vẻ lạ lùng trái ngược của cụ : ta thấy cụ làm nên quyền cao chức trọng, tưởng chừng như cụ đã sinh ở chốn lâu-đài tráng lệ một bậc phú-hộ nào, hoặc ở nơi dinh thự một vị đại-thần nào ; nhưng không, chính cụ

trong một cái nhà tranh của một viên tiểu-lại ở tỉnh Vĩnh-Long, tại làng Bảo-thành, tổng Bảo-tri, huyện Bảo-an (nay là Bảo-tri), phủ Hoàng-tri (nay là Bến-tre), tỉnh Long-hồ (tức Vĩnh-long). Mà sau này, đến khi cụ là một vị đại thần trong triều, có chân trong viện Cơ-mật, làm sứ - thần sang Pháp và làm kinh-lược sứ Nam-kỳ, mà cụ cũng chỉ ở một cái nhà tranh « cột bằng gỗ cây vỏ già và vách chất bằng đất » như lời một người được mục kích đã nói . . . Thế rồi cụ cũng chết ở trong cái nhà tranh ấy . . . Rồi trên cái minh tinh nhất nữa sẽ đặt trên quan tài cụ ở trong mộ, dùng tượng cụ bảo biên tất cả các phẩm chức của cụ không phải là ít, vì cụ đã trải thờ ba triều và ở trong hòm sắc của cụ có tới hai mươi ba đạo sắc. Không, theo ý muốn cụ, chỉ có chín chữ thật là đơn giản mà cảm động biết bao : « HẢI NHAİ THƯ SINH PHAN-LƯƠNG-KHÊ CHI CỬU » (nghĩa là cái cữu của người học trò ở góc bể, họ Phan hiệu Lương-Khê) . . .

Ở cái địa-vị cụ làm giàu dễ như chơi, thế mà cụ cứ nhất định ở yên cảnh nghèo. Đức thanh liêm của cụ đã truyền tụng ở cửa miệng thế - gian. Người ta kể chuyện lại rằng có một viên bá - hộ tên là Vân người tỉnh Gia-định bị vu oan là can phạm trọng tội, chỉ nhờ cụ thăm cứu tình tường tìm đủ chứng cứ là vô tội mà người ấy được tha. Muốn tạ ơn cụ, viên bá hộ Vân đem biếu cụ mười gói chè, mỗi gói có đề sẵn một lạng vàng. Cụ Phan-thanh-Giản không nhận. Người ấy nói là thứ chè ngon lắm, cố xin cụ nhận cho. Cụ bảo : « Tôi vẫn biết rằng chè của ông quý như vàng, nhưng tôi không quen uống. Ông đem cho tôi, tôi trông thấy, thế cũng như tôi đã uống rồi. Tôi cảm ơn ông, xin ông đem về ».

Cụ quyền cao chức trọng, chỉ ra hiệu tay một cái cũng đủ làm cho bao nhiêu người phải cúi đầu kính sợ, thế mà chính cụ lại tự hạ, lại khiêm tốn trước



(Cliché Đông-Thanh)

Chân - dung cụ
Phan-Thanh-Giản

梁
紹
潘
清
簡
敬
撰



Tự-tích của cụ
Phan - Thanh - Giản
biệt hiệu Lương-
Khê đã in ở V. H.
số 4, nay in lại ra
đây để các độc giả
mua sau được rõ.

mặt người khác, đến nỗi rằng khi nào cụ phải nói đến phẩm chức của mình, cụ lấy làm khó chịu lắm. Người ta kể mấy câu chuyện làm cho ta biết rõ cái tính đặc-biệt ấy. Năm 1842, về đời Thiệu-Trị, nhân thân phụ cụ mất, cụ về quê nhà một mình, không có lính tráng gì theo hầu cả. Thuyền (ghe) cụ đi qua đồn Ba-lại. Viên coi đồn tên là Vân ra hiệu cho các người chèo thuyền dừng lại để soát giấy má của chúng. Các người chèo thuyền nói là thuyền của quan thầy. Viên coi đồn tưởng là chúng nói láo, không nghe. Các người chèo thuyền phải dừng lại. Viên coi đồn thấy chiếc thuyền rất là đơn sơ, mắng bọn chèo thuyền rằng: « Quan nào lại đi chiếc thuyền này? Chúng mày định đánh lừa tao thế, chúng mày táo gan thật! » Cụ Phan-thanh-Giản nghe hai bên đối đáp vẫn ngồi yên. Đoạn, cụ lên bờ, xin lỗi viên coi đồn rằng: « Bọn chèo thuyền thật có lỗi, xin ông tha thứ cho họ và thương tôi là một kẻ già nua tuổi tác ». Viên coi đồn thấy cụ khiêm tốn thế, có lòng thương, để cho cụ đi. Khi cụ về đến nhà, cụ báo viên tri-huyện Bảo-an cho gọi viên coi đồn Ba-lại đến. Viên này đến, trông thấy cụ, sực nhớ đến việc mình thất-lễ mấy hôm trước, sợ đến tái xanh đi. Nhưng cụ bảo ngay cho viên ấy yên lòng rằng: « Thầy biết làm trọn phận sự, tôi có lời khen. Giá tôi chỉ nói tôi là quan lớn mà khỏi phải kiểm soát thì ai nấy cũng tự xưng là quan lớn để khỏi phải theo đúng thể lệ về việc tuần phòng ». Nói xong, cụ sai thưởng cho viên ấy một trăm quan tiền, dọn cơm cho viên ấy ăn và bổ viên ấy làm Chánh-xuất-đội.

Trong khi cụ làm quan, nhiều lần cụ bị giáng chức, cũng có lần bị cách tuột và phải làm tùy-phái hoặc làm lính. Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831), cụ đương làm Tổng-đốc Quảng-Nam. Nhân có một tên tù-trưởng mọi tên là Cao-gông thường đến phá hại mạn giáp giới

tỉnh ấy, cụ được lệnh đem quân đi tiêu trừ bọn Mọi
ấy. Cụ đánh thua mất một trận. Vua cho rằng bọn
Mọi ấy khởi nghịch là vì chính-sự quan bản-tỉnh dở,
bèn cách chức cụ, nhưng cho làm lính sung vào quân
đội để đại tội lập công. Ra trận, bao giờ cụ cũng đi
đầu. Các quan sợ nguy hiểm đến tính mạng cụ, bảo
cụ ở lại sau. Cụ không chịu, nói: lệnh vua tôi phải
tuân. Dẹp giặc xong, cụ được lệnh ra Huế cai quản
bọn cu-li dọn dẹp ở trong Hoàng cung! Đến năm 1832,
cụ mới lại được bổ ra làm quan...

Cao thượng thay và quân tử thay! Vinh hiển đã
không làm cho cụ kiêu, thì bị giáng bị cách cũng không
làm cho cụ buồn. Sự khuất nhục cụ chịu, và người ta
bắt cụ chịu, cụ biết rằng không tổn hại gì đến cụ; trái
lại, sự ấy chỉ làm cho lòng người thêm kính mến cụ,
vì cụ bị giáng bị cách là bởi những cơ cao thượng
không sao làm ô nhục được phẩm-giá cụ. Rồi thì trong
đời cụ, còn phải chịu nhiều nỗi khuất nhục nữa, không
phải chính về thân-thể cụ, về quyền-lợi riêng của cụ
mà là về đường quốc-gia.

Thật vậy, dầu cụ có khuyên can phải lẽ, dầu cụ có
nhiều lần xướng lên việc hòa hiếu lâu dài và thân-
thiện với nước Pháp, — xem như trước khi cụ chết, cụ
có dặn các quan đến thăm cụ nên hòa hiếu với nước
Pháp là một nước mạnh không sao chống lại được và nên
học lấy văn hóa nước Pháp thì đủ biết ý cụ thế nào
— triều-đình Huế cứ làm lơ đi không chịu nghe, cụ
lấy thế làm buồn, nỗi buồn ấy đã lộ ra trong bài thơ
tứ-tuyệt này:

*Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giật mình.
Kêu rủ đồng bang mau thức dậy,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.*

Triều-đình Huế cứ dùng chánh-sách hiềm thù phản

trắc mà đối với nước Pháp. Không bao lâu thì chánh-phủ Pháp đem quân sang đánh ta : lấy cửa Đà-nẵng (cửa Hàn) ngày mồng một tháng chín năm 1858, lấy thành Saigon ngày 18 tháng hai năm 1859, chiếm cứ mấy tỉnh Biên-Hòa, Gia-định, Định-tường, Vĩnh-long : đó là kết-quả của cái chánh-sách không biết trông xa ấy.

Đến khi lực kiệt thế cùng, người ta mới nghĩ tới cụ, giao cho cụ một việc khuất nhục là đi « cầu hòa với kẻ thù » . . . Thế rồi thì tội lỗi gì cũng đổ rồn vào cụ : dù cụ hết sức cũng không sao thu được hiệu-quả người ta mong mỏi, thì nghi cho cụ là phản gián ! . .

Năm 1859, cụ Phan-thanh Giản được lệnh phái vào Saigon cùng với ông Lâm-Duy-Hiệp để giảng hòa với quan phó thủy-sứ Pháp Bonard và quan đại-tá Y-pha-Nho Palanca. Cụ đem lòng cương nghị và tài khôn khéo ra thương thuyết, khiến cho nước Pháp chỉ chiếm lĩnh ba tỉnh phía Đông tức là Biên hòa, Gia định và Định-tường, còn tỉnh Vĩnh-long thì trả lại nước Nam. Đó tức là điều kiện tờ hòa - ước ký ngày mồng năm tháng sáu năm 1682. Cuộc thắng lợi không ngờ ấy nhờ ở tài giao thiệp ít có của cụ mà được, triều-đình Huế cho là không đủ, thành ra cụ phải nhả vua quở trách, rồi phải trích vào Vĩnh-Long làm tổng - đốc tỉnh ấy.

(Còn nữa)

HẢI-LƯỢNG dịch



THƠ TA DỊCH RA PHÁP VĂN
Les poèmes annamites traduits en français

PAR
Dương-Quảng-Hàm

Chúc tết
Souhaits | fête (du nouvel an)

par
TRẦN - TẾ - XƯƠNG

I

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau,
Faisons du silence | pour | écouter | les gens (lit. : eux)
| se souhaiter | mutuellement.

Chúc nhau : trăm tuổi bạc đầu, râu,
Se souhaiter | (mutuellement) | cent | ans | blanches |
tête | barbe.

Phen này ông (1) quyết đi buôn cối,
Cette fois ci | moi | décider | aller | faire le commerce |
pilon (à broyer les chiques de bétel) (2) :

Thiên hạ bao nhiêu đũa giã giàu (trầu).
Sous (le) ciel | combien (de) | gens | broyer | (chiques
de) bétel.

II

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu :
Faisons du silence | pour | écouter | les gens | se sou-
haiter | richesse :

Trăm, nghìn, vạn, mở đẽ vào đâu ?
Centaine | mille | dix mille | quantité innombrable |
mettre | dans | où ?

1) Ông signifie, au sens propre, grand père. Il est employé souvent comme pronom de la 2^e personne et correspond à « vous » en français. Quand on se désigne soi-même par « ông » — c'est le cas ici — on veut marquer son mépris ou sa colère vis-à-vis des autres.

2) Les vieilles personnes ayant perdu leurs molaires et ne pouvant plus mâcher leur bétel doivent se servir d'un petit pilon dans lequel elles broient leurs chiques.

Phen này ắt hẳn gà ăn bạc,

Cette fois ci | certainement | poules | manger | (des pièces d') argent !.

Đồng rụng, đồng rơi lộ phải cầu.

Pièces (de monnaie) | se détacher | pièces (de monnaie) tomber | à quoi bon | devoir rechercher

III

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang :

Faisons du silence | pour | écouter | les gens | se souhaiter | honneurs :

Đưa thì mua tước, đưa mua quan.

Les uns | alors | acheter | titres de noblesse | les autres | acheter (des grades de) mandarinat.

Phen này ông quyết đi buôn lọng,

Cette fois ci | moi | décider | aller faire le commerce | parasols (1) :

Vừa bán, vừa la, cũng đắt hàng.

A la fois | vendre | à la fois | gronder | quand même | (vendre) cher. bien | marchandises.

IV

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con :

Faisons du silence | pour | écouter | les gens | se souhaiter | enfants :

Sinh năm, để bảy được vuông tròn.

Donner naissance | cinq | accoucher | sept | être | carré et rond (expression figurée pour dire : en bonne santé).

Phố phường chật hẹp người đóng đúc,

Rues | corporations, quartiers | serrés | étroits | population | bien dense :

Bồng bế nhau lên nó ở non.

Porter dans les bras | porter sur la hanche | ensemble | monter | eux | habiter | montagnes (2).

1) Suivant les coutumes du pays d'Annam, les titulaires de titres de noblesse et de grades de mandarinat ont droit au port des parasols, insigne de leur dignité. Le nombre de ces parasols varie suivant leur titre ou leur grade.

2) Trait piquant par lequel l'auteur assimile ces gens à des singes.

Souhails de nouvel an

I

Restons silencieux pour écouter les gens s'échanger des souhaits de nouvel an.

Ils se souhaitent de vivre jusqu'à cent ans avec les cheveux et la barbe tout blancs d'argent.

*Cette fois-ci, je décide d'aller vendre des pilons à bétel :
Dans le monde, combien de gens auront besoin de
broyer leurs chiques !*

II

Restons silencieux pour écouter les gens se souhaiter la richesse :

Ils auront des centaines, des mille, des dix mille, des quantités innombrables et ils ne sauront où les mettre.

*Cette fois-ci, les poules même mangeront des pièces d'argent
Qui tomberont par ci par là sans qu'on doive les chercher.*

III

Restons silencieux pour écouter les gens se souhaiter les honneurs :

Les uns achèteront des titres de noblesse, les autres achèteront des grades de mandarinat.

*Cette fois-ci, je décide d'aller vendre des parasols :
Je pourrai gronder les gens tout en les vendant, et
ma marchandise s'écoulera quand même.*

IV

Restons silencieux pour écouter les gens se souhaiter une nombreuse postérité :

Leurs enfants seront nombreux et tous seront en bonne santé.

Mais on est déjà à l'étroit dans les rues où la population est extrêmement dense :

Ils les porteront donc dans les bras, sur la hanche, et ensemble, ils monteront là haut vivre dans les montagnes.

DƯƠNG QUẢNG HÀM

XUÂN TRƯỚC, XUÂN SAU

(Đoản thiên tiểu thuyết)

Mồng ba tết. Từ sáng đến chiều, óc Vân-Trình lúc nào cũng rối loạn. Một câu hỏi làm cho chàng phân vân, tìm kiếm mãi vẫn chưa có thể trả lời được: Đi hay ở? ở hay đi? Câu hỏi giản dị mà khó giải quyết. Sau cùng, Vân-Trình quả quyết tự bảo mình: « Sao nhất thể, chí đã định thì cứ thu xếp mà đi cho rảnh, còn quyền luyến cái cảnh gia đình đầm ấm này làm chi mãi. Không, ta phải đi, bõn phận bắt ta phải đi. Lê-Thu đã vì ta mà một mình thân gái bơ vơ nơi quê người đất khách, nhẽ nào ta lại làm thình cho đành? Vậy thì đi? Nhưng nào biết đi đâu? Lại một câu hỏi nữa khó trả lời. « Mà lạ thật, Lê-Thu bỏ nhà đi từ hôm 20 tháng chạp, 3 hôm trước ngày cưới, cũng không cho ai biết rằng mình đi đâu, đến ngay ta là người thân yêu nhất của nàng mà nàng cũng không cho ta biết. Bây giờ biết Lê-Thu ở đâu mà tìm!... À, phải rồi, vào

hồi tháng giêng tây, Lê-Thu có ngỏ ý với ta muốn lấy căn cước để có dịp vào Huế thăm cô Liên-Chi, bạn học cũ của nàng. Có lẽ Lê-Thu vào Huế. Vậy ta thử vào xem, nhất là được thấy Lê-Thu để giải bày cùng nàng tấm lòng thủy chung của ta, nếu không gặp nàng, ta cũng được một dịp quan chiêm các thắng cảnh của đất đế đô » Nghĩ vậy, Vân-Trình liền thu xếp quần áo, tiền nong và vào xin phép bố mẹ cho đi Phát Diệm chơi, để thăm người anh em thân và nhân tiện ghé vào Ninh-Bình xem chùa Non nước ; Vân-Trình liền được phép đi, mừng cuống quít, lên xe, ra ga, đáp xe lửa vào Huế. Đã tết, thì đâu đâu cũng có vẻ tết, nhất là nhà ga, hành khách đông như kiến cỏ, đông gấp mấy mươi ngày thường. Vân-Trình biết trước rằng nếu có tren được vào lấy chiếc vé hạng tư cũng khó nhọc lắm. Mà quần áo, giày, mũ, bàn hết. Có

khi lại nguy cả đến tính mệnh cái va-ly nữa. Nên, dù chẳng giàu nào, Vân-Trình cũng phải lấy chiếc vé hạng ba. Những hành khách hạng ba phần nhiều là những người sang trọng cả. Chỗ này, một vài ông, ý phục lòe loẹt, gấm lam, gấm huyền, ngực đeo đầy những mền day, nào ngân tiền, nào kim-khánh; mồm ngậm si - gà, trầu nhai bồm bồm, chuyện như pháo ran, mà nếu ta lắng tai nghe, chỉ toàn những chuyện tăng lương, rút lương, người này được phẩm hàm nọ, kẻ kia được mền day kia; chẳng cần phải ai giới thiệu, ta cũng biết: đó là các ngài viên-chức. Nghe tiếng cười sảng sặc, ngoảnh lại đằng sau, kia một bọn tiểu-thư tân thời, cô nào cô ấy, mặt trắng hơn vôi, môi đỏ hơn hồng hoàng, lông mày đen hơn mực tàu, cô thì mặc áo mùi hồng, cô thì mặc áo mùi lam, cô thì mặc áo mùi tím, thỉnh thoảng có người vào, bác soát vé hoặc anh bán nước, cửa mở, gió lọt vào làm các vạt áo bay lên, phấp phới, lại càng tăng cái vẻ thướt tha yếu

diệu của các cô, yếu diệu một cách «nhân tạo». Các cô chuyện, các cô cười, cái cười róc làm sao! Trong lúc mọi người vui vẻ, nét mặt Vân-Trình, ủ rầu rầu. Chàng ngồi im, tĩnh tâm, để nhớ lại hình ảnh người mà bấy lâu chàng yêu giấu. Phải, Lệ-Thu, chàng thường khoe với các bạn thân là một người thiếu nữ hoàn toàn. Vân-Trình biết Lệ-hu khi còn học ở lớp thứ năm trường «Ly-xê». Vân-Trình với Lệ-Thu là hai người học giỏi nhất lớp, nên vì thế đem lòng kính phục nhau. Trước còn đối với nhau như một đôi bạn học, sau càng ngày càng thân. Con người như Lệ-Thu, tài nào Vân-Trình quên được. Một người con gái rất có nhiều ý tưởng mới, học đến bậc tú tài, ăn nói dễ nghe, thùy mị, nết na, tuy đi học nhưng công việc tề gia nội trợ đều thạo. Người lại đẹp, nước da không cần phải phấn điểm mới trắng mịn, đào kiềm không cần phải son tô mới hồng hào. Vân-Trình thường khoe rằng Lệ-Thu là một người hoàn toàn tài sắc vẹn hai. Thế mà chỉ

một việc cón con làm cho cái hy vọng — hy vọng được cùng Lệ-Thu xánh đôi vừa lứa — cái hy vọng ấy bỗng tiêu tán. Chỉ vì ông Ba, thân sinh ra Lệ-Thu, ham tiền, cố ép con lấy một công tử nhà giàu mà Lệ-Thu siết bao đau đớn, hết kêu van, lại mượn người nọ nói, người kia nói giúp, ông cũng không nghe:

«Tôi đẻ ra nó, nuôi cho nó khôn lớn, bao nhiêu công của của tôi, quyền tôi chứ quyền nó à!...» Cực chẳng đã, 3 hôm trước ngày cưới, Lệ-Thu phải bỏ nhà đi, để tỏ ý không bằng lòng và nhất là để giữ lấy nhời hứa với tình-lang....

Vừa mới độ nào tết, bây giờ lại tết. Trách nào người ta chóng già. Tết đến, nhiều người mừng mà cũng lắm kẻ lo. Công nợ trong năm, đến ba mươi tết là chí kỳ. «Tiền nhà, tiền đèn, tiền sắm tết không kể; còn món nợ 100\$ đăng ông Hàn cũng phải trả cho chu đáo». Ông Ba ngồi tính nhẩm, té ra phải có những 200\$ thì ăn cái tết này mới ngon. «Tết

với nhữ, không biết ai đặt ra nó mà phiền phức thế». Ông Ba cúi, ông Ba buồn, 200\$, lấy đâu ra, thời buổi khủng hoảng này 200\$ bằng 2 nghìn bạc lúc khác. Ai cũng tưởng nếu ông Ba không có tiền trang chải thì rẽ đến phải đi nơi khác mà ăn tết. Nhưng mà không, hôm 29 tết, ông Ba trông khác hẳn mọi hôm, mặt trông trẻ ra, bao nhiêu cái vẻ âu sầu mất hết, mặt mày hơn hờ, như người rất sung sướng. Ai đến đòi nợ cũng lấy làm há vì ông Ba trả rất sòng phẳng, không thiếu một xu. Ông Ba sắm tết lại rữ nữa: ngày hôm 29, ông mua đến hơn hai chục bạc cây, ông mua một cỗ pháo. Thì ra không biết trời phạt phù hộ hay sao, ông Ba tiếp được cái măng-đa ba trăm bạc của một người vô-danh gửi đến cho ông. Trưa hôm mồng một, ông Ba có hai người khách lạ khiến ai nấy đều đề ý: Chiếc ô-tô hòm, sơn đen bóng nhoáng, hầy còn mới nguyên, vừa đỗ: ở trên xe bước xuống một người thanh-niên y phục đường bộ, áo gấm ngoài phủ

sa tanh súp, giầy ban... và một thiếu-phụ ăn mặc rất lộng lẫy. Ông bà mở cửa tưởng là hai vợ chồng một vị quan lớn nào nhằm nhà, ai ngờ nhìn kỹ thì là Lê-Thu và Vân-Trình. Vân-Trình bấy giờ đương đứng làm quản-lý cho một nhà buôn

lớn ở đất đế-đô, vừa mới cùng vợ ra Bắc trưa hôm 30 mà mồng một đã tới Hà-nội. Tính ra Lê-Thu bỏ nhà đi vừa được một năm, một năm và mấy ngày. Xuân trước, xuân sau..., thay đổi chóng thế!...

XUÂN-TRƯỜNG



HỘ P THƯ

Ông Nguyễn-ngọc-Báu, Cánh-thơ. — Đã cho gửi số 30 khác đề ông xem.

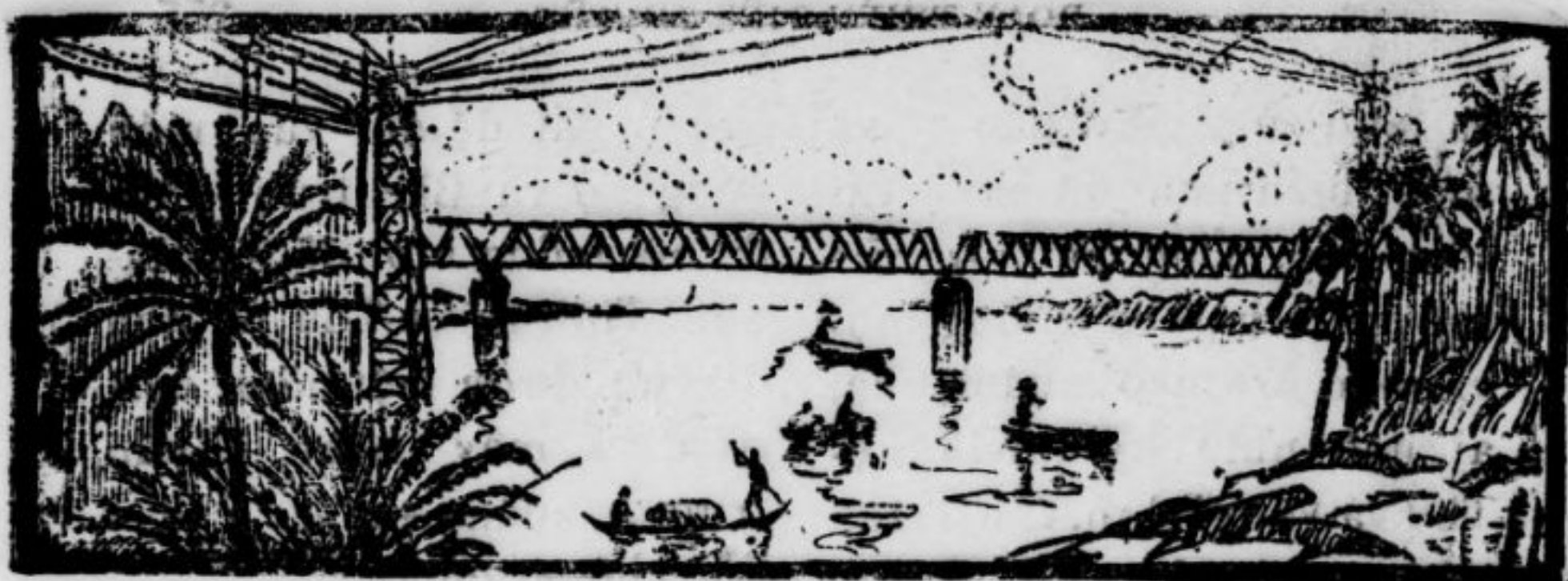
Ông Huỳnh văn Thơm, Pnom Penh. — Văn Học kỳ nào cũng gửi, cả mấy quyển sách nữa cũng có gửi. Ông thử hỏi nhà Bưu-điện xem.

Ông Lý văn Kinh, Soc Trang. — Thư gửi mua sách Nam Nữ Tu Trĩ tôi không nhận được.

Ông Nguyễn-xuân-Phong, Đông Triều. — Xin lỗi ông về sự nhầm đó. Sách G. L. G. Y. đã gửi xuống ông rồi.

Ông Thái-Khôn, Rạch Giá. — Hạn báo trước (từ số 1 đến số 19) ông mới trả có 2\$10 thế là còn thiếu 2\$00; hạn sau 3\$00 từ ngày 1-7-33 đến 15-6-34 (tức là từ số 20 trở đi), ông cũng chưa gửi trả, vậy xin kíp gửi ra 5\$00 cho.

Ông Vũ-huy-Nghiêm, Siem-Réap. — Ngay khi tiếp được thư ông (26-10-33) tôi đã gửi quyền N. N. T. T. rồi Ngày 14-12-33, tại tiếp được thư ông có kèm 2\$22 để trả tiền V. H. và 0\$60 tem để mua quyền Eurydice và N N. T. T. thì ngày 18-12-33 tôi lại gửi 2 quyền ấy sang ông, không hiểu sao ông chưa nhận được.



TIN TỨC THẾ GIỚI VÀ VIỆC TRONG NƯỚC

Nước Tàu

Cuộc độc lập của chính-phủ Phúc-kiến, ban đầu khi thế hăng hái, nhiều người tưởng nó có thể đứng vững vàng được. Chính-phủ ấy mà đứng vững, dần dần bổ sung thực lực, thì chính là cái lo to cho chính-phủ Nam-kinh. Phái Nam-kinh cố nhiên không thể để cho chính-phủ sắc đỏ ở Phúc-kiến được sống còn, vì thế họ đã phái thủy-lục đại-binh xuống đánh Phúc-kiến. Ban đầu quân Phúc-kiến cũng chống cự riết, nhưng sau dần dần núng thế, bị quân Nam-kinh trước sau dồn đuổi, phải kéo lùi mãi về Phúc-châu. Trong khi ấy thì hai bên Nam-kinh, Phúc-kiến, đều không ai nhận trách nhiệm bảo hộ cho Ngoại-kiều, vì thế kiều-dân ngoại quốc ở Phúc-kiến đều lục tục dời đi và tàu binh mấy cường quốc đã dự định đến Phúc-kiến để bảo hộ cho kiều-dân mình chủ ngụ ở đấy. Song chưa bao lâu thì quân Nam-kinh đã áp đến bên thành Phúc-châu, các yếu-nhân ở Phúc-châu thấy nguy đều phải chạy cả, Sái-định Khải, quản lĩnh lộ-quân thứ 19, không muốn giữ thành đánh nhau với quân Nam-kinh, vì e tổn hại cho nhân dân thành quách, nên đã tự rút quân ra để cho quân Nam-kinh kéo vào Phúc-châu, thế là chính-phủ nhân-dân cách-mệnh thành

lập ở Phúc-kiến chưa được bao ngày, nay đã bị phục diệt rồi đó. Hiện nay chính-phủ Nam-kinh đã phái những chính-lý ủy-viên đến Phúc-kiến để chỉnh lý về chính-vụ và đảng-vụ; có lẽ lộ quân thứ 19 sẽ giao cho ông Chiêu-Viên là một viên tướng kháng Nhật ở Thượng-hải năm trước đứng ra cải biên, còn Tưởng-quang-Nại, Sái-dĩnh-Khải thì sẽ bị thải hồi.

Ở Mãn-châu, Phổ-Nghi với người Nhật đã đồng ý với nhau về việc đến tháng 3 (dương-lịch) này, Phổ-Nghi sẽ lên ngôi Hoàng-đế. Bọn cựu thần nhà Thanh ở Bắc-bình đã đều lóc nhóc kéo lên Đông-bắc để tìm đường tiến thân. Người Nhật họ định sau khi Phổ-Nghi lên ngôi sẽ đặt tên cho cái nguy-quốc ấy là nước Mãn-mông, nước Mãn-mông sẽ là bảo-hộ quốc của Nhật-Bản đế-quốc. Song bọn cựu thần nhà Thanh thì họ lại muốn khôi phục cái quốc hiệu cũ là Đại-Thanh. Vấn đề quốc-đô hình như cũng chưa quyết định ở chỗ nào, chưa biết có đóng ở Mãn-châu hay thiên sang Nhiệt-hà, vì nếu thiên sang Nhiệt-Hà sẽ tiện cho sự khuếch trương thế lực sang mặt Mông-Cổ.

Vậy là người Nhật họ cứ việc thực hành cái kế hoạch nhai nuốt Mông, Mãn, người Tàu trơ mắt nhìn thôi. Ở Sát-cáp-Nhĩ, hai nước hiện lại đương có việc binh tranh.

Tình hình Nhật Nga

Hai nước Nhật Nga vẫn đương hằm hè nhau dữ, và đều chú mục vào cái miếng thịt Mãn, Mông cả. Người Nga đã phái nhà chuyên môn sang Nội, Ngoại Mông-Cổ, xét về địa thế và đường lối giao thông. Muốn đối phó lại, người Nhật cũng đương vận động để kíp cướp nốt lấy Mông-Cổ hợp vào bản-đồ Mãn-châu quốc. Hai cái sức mạnh gặp nhau, tránh sao cho khỏi sự xung đột, cho nên hai bên đều tích cực dự bị về chiến tranh cả, người Nga hiện đã tập hợp ở Viễn-đông có tới gần 2 trăm vạn quân.

Vừa rồi người Nga có chiếc máy bay lớn nhất hoàn cầu, đang bay mà không biết vì sao rơi vỡ tan ná lại đèo thêm 14 người chết. Người ta ngờ là có người nước ngoài phản hại. Chiếc máy ấy hiệu là K. 7, chở được những 128 người, là một chiếc máy bay to nhất thế giới, nay tan vỡ mất, thật là đáng tiếc.

Nước Xiêm

Cuộc chính-biến đã tạm yên, các tay phiến động đã bị bắt hoặc đi trốn hết. Xiêm-hoàng đã về thành Băng-cốc phục vị. Song vừa đây, Xiêm-hoàng đã lại cùng Hoàng-hậu xuống tàu sang Âu-Châu, nói là đi sang để chữa mắt; công việc triều-chính giao cho Hoàng-Thúc Narisra quyền nhiếp.

Nước Pháp

Cái án lừa đảo ở nhà ngân-hàng thành phố Bayonne vẫn đương lôi thôi lắm: trước ông nghị Garat (xã trưởng Bayonne) bị bắt, và bị khép nhiều tội thông đồng với Stavisky biền thủ công quỹ, nay lại đến ông nghị Bonnaure cũng bị bắt về tội oa trử. Cả đến ba ông chủ nhân của ba tờ báo La Lanterne, La Volonté và Empire đều có lệnh phải bắt cả, nghe đâu các ông này bị cáo là có nhận tiền của tên đại bịp Stavisky. Vì việc bắt mấy ông chủ báo mà báo Action Française có tổ chức mấy cuộc biểu tình, người dự cuộc có đến mấy nghìn, lính cảnh sát đến giải tán thì hai bên xung đột nhau, có nhiều người biểu tình bị bắt giam. Các quan chức ở thành phố Bayonne nhiều người bị trừng phạt; nhân viên trong Hội-đồng thành phố cũng từ chức gần hết.

Ở Hạ nghị-viên, nghị-viên đã chát vấn chính-phủ và đã tranh luận nhiều về cái án này. Ông nghị Henriot công kích ông Tổng-trưởng Giáo-dục De Monzie về việc trước có nhận cãi cho vợ tên Stavisky, nhân thế hai ông cãi nhau rồi đến xông vào choảng nhau;

nhờ được các ông nghị khác ngăn mới thôi, nhưng lại thách nhau đấu kiếm nữa.

Kỳ báo trước, chúng tôi đã đăng tin ông Tổng-trưởng Thuộc-địa Dalimier vì dây dướng đến cái án này mà phải từ chức, và chúng tôi có nói vì cái án lớn đó mà tòa Nội-các Chautemps hoặc bị đổ cũng chưa biết chừng. Lời ứ đoán ấy đến nay đã thành sự thực rồi: ông Tổng-trưởng tư pháp là Raynaldy vì cái án này mà bị phái hữu công kích rất dữ, ông phải từ chức; ông Tổng-trưởng Tư-pháp từ chức, ông chủ tướng Chautemps bèn chiêu tập Hội-đồng Nội-các, quyết nghị toàn thể từ chức, để cho Nội-các khác lên thay mà theo đuổi việc cải cách về tư-pháp và về hành chính; đó rồi hồi 4 giờ 45 phút ngày 27 tháng giêng, các quan trong Nội-các kéo đến điện Elysée xin từ chức. Nội-các Chautemps đổ!

Sau khi nội - các Chautemps từ chức, quan tổng thống Lebrun lại nài ông Chautemps tổ chức tòa nội các mới, nhưng ông chối từ; mời ông Doumergue, nguyên tổng thống ra lập nội các, ông cũng chối từ, sau mãi ông Daladier nhận nhời, và đã tổ chức nên tòa nội-các mới như sau này:

Tổng lý Nội-các kiêm Ngoại giao : M. DALADIER

Nội-vụ :

M. FROT

Tài-chính và ngân-sách

M. PIÉTRI

Chiến tranh

M. FABRY

Hàng không

M. COT

Thủy quân

M. DE CHAPPEDELAINE

Pháp-quốc hải-ngoại(tức thuộc địa) M. DE JOUVENEL

(Còn các bộ khác xin lược)

Tòa Nội-Các này xem ra lại thiên hẳn về tả-đảng: các đảng trong viện từ trung ương sang hữu phần nhiều không tán thành Nội-các. Cho nên người ta e rằng Nội-các Daladier khó lòng mà sống được lâu bền.

Nước Ý xướng việc cải tạo hội Quốc-liên

Thủ-tướng nước Ý là Mussolini mới đây có xướng ra việc cải tạo hội Quốc-liên, làm cho người thế giới đều phải chú ý.

Về cái chương trình cải tạo như thế nào, chúng tôi chưa được rõ. Nhưng theo chúng tôi nghĩ, hội Quốc-liên nếu còn muốn sống thì quả là cần cải tạo thật, vì nếu không cải tạo thế nào cho nó thành một cái hội có thể khống chế được cuộc hòa bình của thế giới, thì tuy còn đó, người ta cũng coi như chết rồi. Bởi từ khi có cuộc phân tranh của hai nước Nhật, Hoa, hội Quốc-liên hòa giải chẳng công hiệu gì, đã làm cho uy tín của mình mất hết đi chẳng còn gì nữa. Thế thì ngày nay thủ-tướng Ý đề xướng cải tạo, há chẳng cũng hợp thời lắm ư? Nhưng chưa biết rằng các nước có chân hội họ có bằng lòng cải tạo không. Nếu không thì nước Ý tất cũng ra hội nốt. Hội Quốc-liên mà nếu Mỹ, Nga, Nhật, Đức, Ý lại đều ở ngoài cả, thử hỏi cái hội ấy nó còn tồn tại để làm gì?

Quan Toàn-Quyền Pasquier tạ thế

Ký báo trước, chúng tôi có đăng tin quan Toàn-quyền Pasquier cưỡi máy bay về Pháp công cán; thì chính trong cuộc bay ấy, ông đã bị nạn máy bay phát hỏa mà tạ thế rồi.

Nguyên buổi sáng ngày 4 tháng giêng 1934, quan Toàn-quyền cùng với quan hầu Brusseaux đáp chiếc máy bay Zelée từ Hanoi vào Saigon, rồi đến 3 giờ sáng ngày 5, ông lại từ Saigon đáp chiếc máy bay to lớn lịch sự Emeraude về Pháp. Cứ theo hành trình thì nội ngày 7, về đến thành Ba-Lê, nhưng khi mới về đến Gwardar thì máy bay hỏng, phải đỗ xuống chữa, ông bèn sang chiếc máy bay chở thư bay đến Beyrouth để đợi. Sau khi chữa xong, chiếc Emeraude lại bay đến Beyrouth đón ông. Rồi từ Beyrouth đi Da-

mas, đi Athènes, đi Marseille, lại từ Marseille đi Bale. Chính ở trên quãng đường Mac-Xây (Marseille) Bale, khi về đến địa phận làng Corbigny, còn cách Bale 233 cây số thì máy bay hỏng, đồ chúi xuống đất và phát hỏa tung lên, trong máy bay có cả thầy 10 người, đều bị nạn cả. Bấy giờ là buổi tối ngày 15.

Tin dữ ấy đưa đến Bale, quan tổng trưởng bộ Hàng-không là Pierre Cot liền cùng quan thứ-trưởng đến nơi xảy ra tai nạn mở cuộc điều tra: phải xét nhận kỹ mới phân biệt được di hài các người bị nạn.

Còn ở Đông-dương, thì ngay khi rõ



sự rủi ro ấy, các giới thầy đều thác ngạc, không ngờ chuyển đi ấy của quan Toàn-quyền lại thành ra sự vĩnh quyết với cái cõi đất này.

Ngày 20, Chính - phủ Pháp làm lễ quốc táng cho quan Toàn-quyền, thì ở Đông-Dương, Chính - phủ cũng ra lệnh

Cliché T. B. F. V.

Chân - dung quan Toàn Quyền Pasquier

cho các thành phố và các tỉnh lý, làm lễ truy điệu.

..

Quan Toàn-quyền Pasquier sinh ngày 6 tháng 2 năm 1877, bắt đầu được bổ vào ngạch cai trị từ ngày 1 tháng 11 năm 1898. Ngày 24-10-1919 được thăng chức

thống-sứ hạng ba, rồi đến ngày 26-2-1924 thăng hạng nhất.

Trong khi ông Varenne làm Toàn-quyền Đông-Dương, thì ông Pasquier làm Khâm-sứ Trung-kỳ. Lúc ông Varenne về Pháp công cán thì ông Pasquier được bổ lên làm quyền Toàn-quyền.

Đến khi ông Varenne về Pháp lần thứ hai là khoảng mùa thu 1928, thì ông Pasquier được lên lĩnh chức Toàn-quyền thực thụ.

Ngày 1-12-1930, ông có về công cán bên Pháp một lần; ngày 30-11-1931 lại ở Pháp sang; đến 5-1-1934, ông lại về công cán bên Pháp, khi đã về đến đất Pháp, chẳng may gặp nạn tàu bay mà tạ thế.

...

Ông Pasquier mất, Chính-phủ Pháp tất phải cử một ông sang thay làm Toàn-quyền Đông-Dương. Cứ như dân ý ở Đông-Dương, người ta đều muốn cử một ông nghị-viên sang làm Toàn-quyền, hơn là cử một ông về ngạch quan thuộc-địa. Dư luận bên Pháp họ đều chú ý vào ba ông: Varenne, François de Lèssan và Lamoureux, chẳng biết ông nào được trúng cử.

Việc giảm thuế thân năm 1934 ở Bắc-Kỳ

Vì nạn kinh tế khủng hoảng, nên năm 1933, Chính phủ Bắc-kỳ có giảm 10 phần trăm về-ngạch thuế thân cho nhân dân. Đến nay xem tình hình kinh tế năm 1934 vẫn chưa thấy có gì khởi sắc hơn năm 1933 nên quan Thống-sứ Tholance lại đã ký nghị định giảm, thuế thân 1934 như năm 1933 đã giảm. Nghị định ấy đệ lên phủ Toàn-quyền thì bữa 15-1-34, đã được ban thường trực của Hội-dồng Chính-phủ duyệt y. Thế là năm nay dân ta lại được giảm đỡ chút ít tiền thuế thân như năm ngoái.

Hội-dồng tiền tệ

Hội-dồng này họp ở bên Pháp để xét về vấn đề tiền tệ ở Đông-Dương. Sau khi ba ông đại biểu ở

Đông-dương là Long, Lâm, Sáng, cưỡi máy bay sang đến Ba-lê, Hội-đồng tiếp đãi một cách rất thân thiện, và đã khai hội-đồng để nghe ba ông đại-biểu trình bày về tình hình kinh tế Đông-Dương. Ba ông có xin Hội-đồng định cho chế - độ tiền - tệ ở Đông - dương, lại lấy ngân-bản-vị như cũ. Ông - Bùi - quang Chiêu đại biểu Nam-kỳ tại thượng hội-nghị thuộc địa bên Pháp cũng tham dự Hội-đồng này.

*Ban cứu tế các dân bị bão ở Bình-Định
và Phú-Yên*

Quan Thống-Sứ đã cho phép lập ở Hanoi một ban cứu tế nạn dân ở Bình-Định Phú-Yên. Ban ấy do quan Tổng-đốc Hoàng-trọng-Phu đứng đầu, gồm có quan Tổng đốc Nguyễn-năng-Quốc, ông Phạm-huy-Lục, ông Nguyễn-công-Tiểu, ông Nguyễn-tiến-Lãng, ông Lê-văn-Phúc và mấy bà cùng các đại-biểu các hội.

Bắt đầu từ 1er Février 1934, hội sẽ nhận tiền hay gạo để quyên cho dân. Vậy nào các nhà giàu lòng nghĩa hiệp, các ngài ai quyên tiền thì gửi về cho ông thủ-quỹ Lê-văn-Phúc ở số 82, phố hàng Gai, còn ai quyên gạo thì đem đến hội-quán hội Khai-Trí.



Xin chú ý : Ở cuối quyển này có 6 trang mục-lục để các độc-giả tiện lấy ra đóng với tập Văn Học thành một bộ 6 tháng sau năm 1933.

NU CƯỜI

Ứng khẩu giỏi

Mồng hai Tết. Ở nhà ông Phan Ân Phố Bắc-Ninh. Trong bốn năm người ngồi đánh lô tôm, có một bà ngồi cuối cánh ông giáo Côn, bài chờ ngũ vạn thì ù. Chẳng rõ ông giáo có biết rõ rằng bà chờ cây ấy không mà đến khi ông rút cây ngũ vạn ra vứt xuống chiếu đánh cho bà, thì bà mừng rú lên mà rằng: « Khen cho con . . .

Ông giáo nghe thấy biết là bà có ý lỡm mình liền đáp: « Vả bây giờ . . .

Trong đám có người chỉ nghị nên đến khi vợ tiền, bà đọc:

« Khen cho con mắt tinh đời. »

Ông Giáo cũng ngâm:

« Vả bây giờ mới thấy đây, mà lòng đã rắp những ngày một hai.

Hai ông bà ứng khẩu giỏi thực.

KHAI-SINH



Có nhiều ngài mua báo đã quá hạn, lâu chưa trả tiền, bản-chỉ thường có giấy hỏi luôn mà các ngài cũng không gửi trả; vậy bản-chỉ xin nhắc lại một lần này nữa rằng từ nay cho đến 1er Mars 1934, nếu bản-chỉ chưa nhận được tiền thì bản-chỉ sẽ đình việc gửi báo và sẽ nhờ nhà Bưu-Điện đòi họ, tiền phí tổn về phần các ngài chịu.

Các ngài trả tiền báo có thể gửi bằng timbres postes cũng được.



HOA LÚ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXX

Người bô-lão nói :

— Mấy người quân-lính theo hầu Đinh-Điền luôn đó chắc thế nào cũng có biết cả, chứ không sao được ; nhưng họ với Đinh-Điền là thầy với tớ, bảo sao nghe vậy, còn dám cạy răng nói gì nữa ; họ đã theo nó được ăn no mặc ấm, cơm áo chủ thì đi theo chủ là tình thường, cò kể gì hay với giờ.

Người lính của động-chùa thưa với Nguyễn - tướng-quân rằng :

— Thôi hãy để chuyện ấy đấy ; mặc xác Đinh-Điền, mặc xác vương-phi ; cái việc cần kíp của tướng-quân ngay bây giờ là phải mau mau tới Bồ-hải-khẩu cùng động-chùa họp mặt đàm tâm, định đại kế nước nhà, mưu cách khôi phục nghiệp lớn. Xin tướng-quân đi cho, không nên chần hời ở đây một khắc nào nữa.

Nguyễn tướng-quân nói :

— Phải, thôi, thầy trò mình sửa soạn ra đi. Chào cụ bô, chúng tôi xin từ biệt cụ ; nhờ cụ làm ơn giữ bí mật cho, đừng để thanh tích tã lậu ra ngoài đến Lê Hoàn hay được, thì chẳng những chúng tôi bị quân giặc

đuổi bắt, thêm nỗi vất vả hiềm nghèo, mà dân làng ta đây cũng không khỏi bị nó hành hạ lòi thối, lụy đến cả già trẻ lớn bé trong làng, khổn quá !

Nói dứt tiếng liền nhảy lên mình ngựa, vẫy tất cả quân lính kẻ đeo người xách đi theo, ruổi bước gấp đường, cứ xuyên sơn đi mãi ra cho đến đồng bằng Sơn-nam hạ (tỉnh Nam Định bây giờ) lại tắt xuống cửa bể Chà-lũ lấy chiếc thuyền cá đi sang Bỗ-hải-khâu, trong có hai ngày ruổi tới nơi.

Người lính đưa Nguyễn tướng quân vào chỗ Đình động-chùa ở ; Nguyễn tướng-quân trông thấy Đình động-chùa khóc òa lên ; Đình động-chùa cũng ứa hai hàng nước mắt, hai người ôm lấy nhau khóc nức khóc nở hồi lâu, kể-lẽ khúc-nhôi hết mọi chuyện từ sau khi tương biệt, rồi Đình động-chùa rỉ tai bảo Nguyễn tướng-quân rằng :

— Anh em mình chẳng may gặp thời truân vận kiền, thường luống ở cạn, bị con tôm cái tép khinh nhờn. Trần sử-quân đây thu chiếm được một cõi giang sơn chỗ này, đất tốt dân đông, khí giới tinh lương, quân sĩ dũng tráng, thật là có cái cơ sở tốt mà có thể khuếch trương to ; nay sử-quân tuổi đã già, không có khí tiến thủ, ý cũng muốn chọn được người có tư cách xứng đáng, giao phó binh quyền cho ; sử-quân là người nhân từ khoan hậu, trọng sĩ tôn hiền ; từ lúc anh đến đây, được sử-quân yêu mến tin dùng, hiện đã ủy cho quản lĩnh một đạo tinh binh, chẳng bao lâu sẽ đem binh quyền giao phó hết. Anh nhắm có tư cơ bằng ta được, có thể lấy chỗ này làm nơi lập cước mà tạo lại cơ-đồ, nên mới sai người đi tìm gọi các em sang ở cả đây cùng lo tính công việc. Trời ơi ! lúc anh đi đến nửa đường bị phục binh giặc chặn đánh, trong bụng anh còn chút hi vọng là em đi trước may đã thoát hiểm rồi ; đến lúc anh trốn chánh lặn lội tới được đất này, tìm chẳng thấy em đâu, thì biết bao đau đớn

bồn chồn, tưởng đâu em đã mắc trong tay giặc rồi ; chỉ chắc cây có Đinh - Điền hiện còn ở trong các làng thu thập quân mã, không vương phải cái nạn này, mà ở trong các làng, thì anh vẫn tin rằng cái uy đức của Đinh Điền thuở nay đối với nhân dân, vẫn có nhiều người mến phục hẳn, thế nào cũng chiêu binh tổng lương được chẳng nhiều thì ít, sớm tối sang đây với anh em mình, vì lúc Đinh-Điền đi các làng, anh em mình đã có lời hẹn trước; anh sai người lính này đi cốt cũng là tìm cho được Đinh-Điền và lần theo giặc đường thăm dò tin tức em xem sống thác thế nào, chứ thực không dám chắc gì em còn được yên toàn mạnh khỏe như vậy; ai ngờ tưởng thế này lại hóa ra thế khác; Đinh-Điền thì bây giờ lại sinh ra đổi lòng biến chí, không còn đoái nghĩ tới nghĩa cũ tình xưa, mà trời cho em lại vẫn được yên toàn mạnh khỏe thế. Thôi! vậy cũng chẳng hề gì, mất Đinh-Điền còn em; bây giờ em ở đây với anh luyện tập binh mã, bàn định quân cơ, một mai binh quyền thu được hết vào tay, bấy giờ anh em ta sẽ liệu đường bay nhảy.

Nguyễn tướng-quân vừa khóc vừa nói :

— Trăm lạy kha-kha, kha-kha có lòng thương đến em như thế, em càng nghĩ lại càng tủi thẹn bội phần; nghĩ đến lúc kha-kha đem vương-phi cùng vương-tử ký thác cho em thế nào, em nỡ lòng nào nhận lấy cái ký thác ấy mà không giữ cho được trọn vẹn chu tuyền; Trời ơi! cái thằng khốn Nguyễn-Bặc này! cái xác hèn my còn đó mà vương-phi đâu, vương-tử đâu, my đối với cái lời ký thác của anh my, chúa my bây giờ, my định nói làm sao? My không giữ được cái lời ký thác ấy cho trọn vẹn chu tuyền, thì my còn vác mặt đến chỗ nào làm gì nữa! My lại hèn không dám liều mình thủ tín, chết với cái lời thệ ước của my.

Nói rồi vạt mình lăn khóc, mặt đỏ bừng bừng, như điên như cuồng, không nghe biết gì nữa, hồi lâu mới

đần đần tỉnh lại. Đinh động-chúa ghé lại mà năn nỉ yên ủi rằng :

— Sao em quá phần thể, việc gì phải thế hữ, em ! Thời vận không thường, người ta gặp cảnh có lúc thuận lúc nghịch, làm việc có lúc nên lúc hư ; kẻ anh hùng hào kiệt, bách triết bất hồi, thua keo này bày keo khác, càng truân kiền ức tắc, càng hăng chí bền gan. Như em trước kia có nhận lời ký thác vợ con của ta thật, thủy chung em đối với cái lời ký thác ấy có chút gì phụ lằm, trải bao nhiêu hồi điên bái lưu ly, em hết sức hộ vệ cho được yên toàn, dẫu Quan-vân Trường phò Nhị-tầu, Triệu-tử-Long phò Á-dầu ngày xưa cũng không hơn thế được ; tuy thời quai vận kiền, phải Đinh-Điền đòi bụng làm càn, thất lạc mất chị em và cháu em ; nhưng đều ấy há phải là lỗi tại em ; em giốc niềm trung ái với anh, mạo hiểm xông nguy, lặn lội đi tìm anh ở trong chốn mũi tên ngọn mác, chẳng đề vương-phi vương-tử ở lại đó thì làm thế nào ; mà em đề vương-phi với vương-tử ở lại đó có tí gì sơ suất đâu : dân làng thì đã một bụng tôn thân, lại có Đinh-Điền là chỗ tình cốt nhục chí thân vừa là người tri dụng kiêm toàn, không phải ngại gì cả, đề vương-phi vương-tử ở lại đây với Đinh-Điền là quá phải, còn việc gì mà ngần ngại nữa du : nay chẳng may vợ con anh thất lạc, hoặc giả là tại cái số phận long đong của anh, hoặc giả là tại cái lòng xấu phản trắc của Đinh-Điền, hay hoặc giả là vương-phi vương-tử còn lẫn quất nơi nao, rồi cũng có kỳ hậu hội, chứ em có can dự gì vào đây mà đến tủi đến thẹn được cho anh ; chẳng những anh không có ý gì giận em, mà đến ngay Đinh tam-dệ, anh cũng chưa có lòng nghi chút nào cả ; những lời ong tiếng nhặng chẳng qua là tự một đôi kẻ có lòng hãm hại, đặt chuyện phao đồn, đã chắc đâu là Đinh tam-dệ thật đòi bụng làm càn, chiếm đoạt vương-phi, hành hạ vương-tử ..

(Còn nữa)

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ

TOME III

MUC LỤC

(Các bài đã đăng trong Văn-Học từ số 20 đến số 29)
(Sáu tháng sau năm 1933)

SỐ 20 — 1er JUILLET 1933

Ta nên thận trọng đối với văn thơ của người xưa.	1
Thí thoại : chuyện cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ	5
Quốc văn bình giảng : Vua Ngu thuận	7
Tiền quan ôn.	11
Dịch Hán văn : bài viếng tấm đá mộ chi cồ	14
Nét mực xưa : bài phú bằng hữu kim kỳ	16
Văn học bình luận : những áng văn hay	19
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn XI	26
Một bức thư của Tản-Đà tiên sinh	30
Bàn nữ thần dẫn giải IX	33
Tạp trở . Một quyển sách nhỏ nhất ; một quyển sách bằng thiếc	35
Mũi tên độc XV	36
Tin tức tức trong làng văn	39
Những việc nên biết	42

SỐ 21 — 15 JUILLET 1933

Lấy câu ca giọng hát xét chữ tình ở chốn thôn quê	43
Công đức	49
Nét mực xưa : bài phú bằng hữu kim kỳ	52
Cùng Tản-Đà tiên sinh	56
Kính đáp bà Hoàng-Anh	58
Văn thơ	60
• Những chuyện lý thú trên đàn văn : ông Quát biết có ông tú Trăn	64
Dịch Hán văn : về ở ruộng	68
Bàn nữ thần dẫn giải X	69
Mũi tên độc XVI	72
Bà bá tước Anna de Noailles	75
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn	76

Kết quả cuộc thi giải trí	89
Tự học tiếng Quan thoại V	83
Hoa lục kết nghĩa XIX	87

SỐ 22 — 1er AOUT 1933

Thơ mới	91
Quốc văn bình giảng : thầy Tử Lộ	95
Điện thoại	98
Nét mực xưa : bài hát kể đường đất nước nam	101
Hàn lâm viện nước Pháp	103
Văn thơ : cổ và kim	106
Trả lời cho ông Chắt-Hằng về bài phê bình quyền	
<i>Những áng văn hay</i>	110
Bản nữ thần dẫn giải XI	116
Chuyện vui	119
Văn tỳ bà hành	123
Thơ ta dịch ra Pháp văn ; cụ Nguyễn-công-Trừ	125
Mấy câu đối cổ rất lý thú	126
Hoa lục kết nghĩa XX	127
Mũi tên độc XVII	131
Tự học tiếng Ang-lê XVI	135

SỐ 23 — 15 AOUT 1933

Làm thế nào để đổi mới cho thơ	139
Quanh bài phê bình « Những áng văn hay » Văn tắt đôi lời	
<i>cùng ông Thiệu-Sơn</i>	142
Đời và người của vua đoan thiên tiên thuyết «Guy de Maupassant»	144
Mối chổ trái nhau của hai nhà thi sĩ Việt-Nam	147
Văn thơ : cổ và kim	149
Nhắc lại việc soạn Việt Nam tự điển	153
Dịch Hán văn : bài ký Túy ông đình	156
Dịch Pháp văn : Thơ và đời mới	158
Nam trung tạp ký : Du ký quanh Saigon	166
Vui cười : ông lão bán mây, cô nàng buồn cây	169
Tin tức trong làng văn	170
Vườn văn : chịu khó	172
Hoa lục kết nghĩa XXI	175
Mũi tên độc XVIII	179
Tự học tiếng Quan thoại V	183

SỐ 24 — 1er SEPTEMBRE 1933

Một nhà văn hào Ấn-Độ <i>Rabindranath Tagore</i>	187
Thi thoại : <i>thơ nghèo và thơ ấu xin</i>	190
Những sự sai lầm trong truyện <i>Kiều</i> : <i>cách bỏ cứu</i>	194
Dịch Pháp văn : <i>quyền sách. — Hoa hồng</i>	198
Văn thơ : <i>cổ và kim</i>	200
Bổ khuyết bài <i>« thơ mới »</i> của ông <i>Chất-Hằng</i> :	
<i>thơ mới tức là từ khúc</i>	203
Dịch Hán văn : <i>bài phú Hậu Xích-Bích</i>	209
Văn kỹ thuật : <i>những nỗi dọc đường</i>	211
Chuyện vui	215
Con mắt quan sát cảnh vật với nhà họa sĩ và thi sĩ	216
Ta nên thận trọng đối với văn thơ của người xưa	219
Những truyện lý thú trên đàn văn : <i>cũng nhờ đôi câu đối</i>	221
Hoa lục kết nghĩa XXII	223
Mũi tên độc XIX	227
Tự học tiếng Quan-Thoại VI	231

SỐ 25 — 1er OCTOBRE 1933

Làm thơ có cần cân nhắc từng chữ không ?	235
Thi thoại <i>thơ nghèo và thơ ấu xin (Tiếp theo)</i>	237
Đời văn chương tâm sự của bà bá tước <i>Anna de Noailles I</i>	241
Nhớ người thi sĩ sớm về : <i>au souvenir d'un poète mort jeune</i>	246
Tiết phụ ngâm I	253
Tin tức trang làng văn	256
Thơ ta dịch ra Pháp văn : <i>khách đến chơi nhà</i>	258
Những truyện lý thú trên đàn văn : <i>câu đối mừng</i>	260
Cụ quận Hoàng tạ thế	262
Dịch Hán văn : <i>bài tự thuật của cụ Cao-xuân-Dục</i>	265
Vườn văn : <i>lòng thương xót</i>	268
Hoa lục kết nghĩa XXIII	271
Mũi tên độc XX	277
Tự học tiếng Quan thoại VII	283

SỐ 26 — 15 OCTOBRE 1933

Nghề văn sĩ	287
Thi thoại : <i>thơ nghèo và thơ ấu xin (nối và hết)</i>	290
Đời văn chương tâm sự của bà bá tước <i>Anna de Noailles II</i>	295

Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn (nối và hết)	298
Một tiếng cõn con của Việt ngữ	304
Tiết phụ ngâm II	306
Tiếng nói và văn chương của người Thổ	312
Chú thích những áng văn cổ : bài tự tình của ông Cao-bá Nha I	319
Hoa lục kết nghĩa XXIV	325
Dịch Hán văn : bài ký Hỷ vũ đình	331
Mũi tên độc XXI	333
Những cái rác ở vườn văn	339
Dịch Pháp văn : Thơ gửi cho người bạn cũ	340
Tin tức trong làng văn	341
Truyện vui	342

SỐ 27 — 1er NOVEMBRE 1933

Thơ văn hoài cổ	343
Một lối văn xuôi đầy thi vị hay Những khúc sáo buồn của chàng Tiễn	349
Phụ nữ với văn học : nhi nữ lao anh tài	358
Tiết phụ ngâm III	362
Kết quả cuộc thi sửa đổi chữ quốc ngữ	366
Dịch Hán văn : hậu Xích-bích phú	374
Vườn văn : thú nhà quê	376
Những cái lạ trong lối văn thơ	378
Hoa lục kết nghĩa XXV	379
Mũi tên độc XXII	385
Tự học tiếng Quan thoại VIII	391
Tạp trở : quyển sách bán chạy nhất	396

SỐ 28 — 15 NOVEMBRE 1933

Vấn đề soạn tiểu thuyết	397
Tính cách chung của văn chương nước Pháp	400
Bình luận thơ cổ	404
Văn thơ : cổ và kim	406
Về bài vịnh chính-phụ	410
Văn thơ và khoa học	412
Dịch Pháp văn : bông hoa và đời người	418
Một nhà văn - sĩ ở Thần kinh : cụ Hường lục-Khanh	419
Cùng ông Chất-Hằng về bài nghề văn sĩ	421

Người yêu quốc văn cần viết đúng chữ quốc ngữ	424
Vui cười : <i>Mỹ nhân . . .</i>	426
Chú thích những áng văn cổ : <i>bài tự tình của ông Cao-bá-Nhạ II</i>	427
Tiết phụ ngâm (tiếp theo và hết)	432
Mũi tên độc XXIII (tiếp theo và hết)	435
Hoa lục kết nghĩa XXVI	439
Những cỏ rác ở vườn văn	445
Những truyện lý thú trên đàn văn : <i>Nghìn vàng thực cũng nên mua — Thơ tự nhiên của Hồ-xuân-Hương</i>	447
Tin tức trong làng văn	449
Tập trở lại hai quyển sách rất nhỏ	450
Ai biết bảo giùm (viết theo lối chữ Annam bỏ dấu)	451

SỐ 29 — 15 DÉCEMBRE 1933

Bàn về việc giáo dục bình dân	453
Khảo biện về khúc <i>cung oán ngâm</i> I	456
Thi thoại	463
Một bức thư cùng Tản Đà tiên sinh	468
Bình luận thơ cổ : <i>chợ trời</i>	470
Dịch Pháp văn : A) <i>Travail et Progrès</i> — B) <i>Pourquoi ?</i>	474
Văn thơ : <i>thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ</i>	477
Thơ văn kim	478
Đoản thiên tiên thuyết : <i>Anh tư Long</i>	481
Dịch Hán văn : <i>chính khi ca</i>	488
Tin tức trong làng văn	491
Chú thích những áng văn cổ : <i>bài tự tình của ông Cao-bá-Nhạ III</i>	492
Hoa lục kết nghĩa XXVII	495
Nửa tháng vừa qua	501
Ai biết bảo giùm (viết theo lối chữ Annam bỏ dấu)	507



CÁC TRANH ẢNH

Ở số 20, trang 40

- 1.) Ảnh nhà viết tiểu thuyết Chamson được giải thưởng Northcliffe về cuốn Héritage
- 2.) Ảnh ông Canu được giải thưởng Strassburger là giải cốt thưởng cho người viết được bài báo hay nhất có mục đích nối tình thân ái Pháp - Mỹ

Ở số 23, trang 160

- 1.) Ảnh nhà văn sĩ Ấn-Độ Rabindranath Tagore
trang 170
- 2.) Ảnh ông Nguyễn-tiến-Lãng

Ở số 24, trang 218

Ảnh bà bá Tước Anna de Noailles, một nhà Thi-hào có tiếng ở Pháp.

Ở số 25, trang 256

- 1.) Ảnh nhà văn sĩ Louis Roubaud
trang 262
- 2.) Chân dung cụ Quận Hoàng cao-Khải



hotel

TAM-KY

KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 ROULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MẼ, VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUỖNH HUỆ KÝ



SAO-MAI

MỚI RA ĐỜI

là tờ tuần - báo ra ngày thứ sáu
do ông Trần Bá - Vinh làm
Chủ - nhiệm kiêm chủ - bút

GIÁ BÁO :

1 năm 2\$00

6 tháng 2\$00

3 tháng 0\$70

mỗi số 0\$01

TÒA BÁO :

113. Phố Maréchal Foch, 113

VINH (Annam)

AI muốn thi tri-huyện theo chương-trình mới của Hoàng-triều, nên viết thư hỏi thẻ lệ — nhớ gửi kèm phong bì tem năm xu để trả lời — Lớp Quốc-văn và Pháp-văn hàm thụ (par correspondance) của HOÀNG - NGỌC - GIAO, Ruelle Nam Ngự n° 24 — Hanoi

Hỏi lại. VĂN - HỌC TẬP - CHI
và những đại-lý VĂN - HỌC :

Tập Văn Xuân

năm Giáp - Tuất

(có cái giấu liện đỏ)

của

VỊ GIANG VĂN-KHỐ



Có nhiều bài giá trị của
những ông :

ĐÔNG-HỒ NGUYỄN-XUÂN-HUY,
NGUYỄN-XUÂN-KY, PHẠM-THANH-
TÙNG, PHÙNG - TẮT - ĐẮC LÊ-
TRÀNG KIỀU, ĐỖ - HUY - NHIỆM,
PHẠM - QUẢNG - THỤ, vân vân.

Giá mỗi quyền : 0\$25



— Tết này chơi gì nhấ nhất ?
— Đánh cờ nhấ nhất.
— Phải, vừa nhấ lại vừa mở
mang được trí khôn và óc
suy xét nữa.

— Thế thì nên mua quyền
SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

của M. ĐỖ-TRÀNG-SẢN soạn

Tôi tuy đã biết đánh nhưng
vừa rồi cũng đã gửi mua
một quyền vì tôi muốn cao
cờ hơn. Quyền ấy tốt lắm.

Dạy đủ cách :

ra quân cho được thao

dàn quân cho khỏi bị

di lằm nước rất bí hiểm

khép vào nhiều trận hay vô cùng.

Giá bán 0\$20 Cước 0\$06 Mua
một quyền gửi bằng timbres postes
cũng được cho Đông-Tây ấn quán
193, phố hàng Bông Hanoi

X
Dépôt - legal.

Tirage 1000 ex.

Hanoi le 8/2/34.

L'Imprimeur,

ĐÊM ĐÔNG



Đêm đông lạnh lẽo hạt mưa sa,
Vơ vẩn đêm trường dạ ngàn ngo
Buồn ấy biết dùng chi mà giải được,
Ấm vàng chén ngọc lại đem ra,
Bao chè **KIM-THAI** trên bàn sẵn,
Đốt lửa đèn còn nấu nước pha.
Hương vị nước xanh thơm qui lạ,
Uống xong người lại tỉnh ngay ra.
Hàng Ngang đứng dấu hiệu số ba,
Bán giả phải chăng lại thực thà.



Imprimerie Đông-Tây - Hanoi

Le Gérant : ĐÔNG-TU-QUÁN